

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chancéaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- 
- * Lối văn cử-nghiệp... Hoa-Bằng
 - * Đại-Nam dật-sự (VIII) Nguyễn-Văn-Tổ
 - * Phê-bình với văn-học-sử... Kiền Thanh-Quế
 - * Bà lớn dưới trời Trúc-Khê
 - * Quyền « Đời sống thời cổ » Ứng-Hòa
 - * Những ông nghe triều Lê (LXI) Nguyễn-văn-Tổ
 - * Sự thực câu chuyện nước bể hóa... Ngô đức Kinh
 - * « Hậu-lai cách-trí » của Lê-nam-tiền-sinh (Hết) Đỗ-Thúc
 - * Tạo-hóa và nhân-loại... Minh-Tuyên.
 - * Ngọc-Hân Tân-Phương
 - * Từ hội-nghị Diên-hồng (Hết) Khuông-Việt
 - * Tùy-hưng Giản-chi
 - * Chảy cùng Chương-Số (Hết), IV Chu-Thiên

Lối văn cử-nghiệp

khác với lối văn ngoài trường-đọc thế nào ?

HOA-BÀNG

CHẾ độ khoa-cử xưa có nhiều cách bó buộc sĩ-tử: kinh-nghĩa phải đủ tám vết, phú phải áp vận (1), thơ nhiều khi phải gieo vần theo chữ của người ra đầu bài đã hạn dùng... Ngoài ra, khi viết văn còn phải tránh tên húy nhà vua (tỵ húy) hoặc bớt nét những chữ mà đấng triều đình chỉ-dịnh (2). Thế cũng chưa hết Còn phải viết đài «du-các» những chữ như Trời, Đất, Trời, Miếu, Xã, Tắc, Vua chúa, Thái hậu, Hoàng hậu đương triều tùy theo thứ bậc hơn kém mà đài cao hay thấp. Đó là thể-thức bó buộc trong khi viết quyển Lỡ quên hay là n một chút là bị đình hống vì phạm trệ rầy quy.

Còn về phần tinh thần? Người ta vạch văn một con đường đề lừa sĩ-tử phải đi, đi theo vết chân của cổ giả, không được lệch ra ngoài khuôn sáo của mấy ông tiên-nhò bèn lâu: giải nghĩa Kinh Truyện phải theo Trình, Chu, bản luận học thuật phải dựa vào những lời « Tử viết », làm văn phải kiếm những « chữ súc » và những « văn liệu, thi liệu » rất sáo, rất nhũn...

Vì lối khoa-cử xưa ràng-buộc người ta vào lao-lung, nên đã có câu thơ phê-bình rất chua chát:

« Tăm đắc anh hùng tận bạch đầu »

驀得英雄盡白頭

Vì nói:

Lừa cho những tay anh-hùng-phải mãi miết vào khoa-cử rồi đến trắng quách cả đầu !

Một khi đã tập cử-nghiệp mà muốn lấy đỗ, lẽ tất nhiên, người ta, từ sự học-hành đến lối viết văn, buộc phải uốn mình theo lẽ trường-đọc. Trường-đọc là cái khuôn, sĩ-tử chỉ là nắm bột: khuôn tròn thì bột tròn, khuôn vuông thì bột vuông.

Dưới ảnh-hưởng của chế-độ khoa cử ấy, trong văn giới ta đã đẻ ra một thứ văn gọi là « văn cử-nghiệp »

Tôi không muốn mời các bạn đọc phải tốn công mở lại những bài văn bằng chữ Hán đã in trong những tập Hương thi văn tuyển hoặc Hột thi văn tuyển xưa, nhưng xin trích dẫn một bài văn bằng quốc-ngữ làm kiểu mẫu cho sĩ-tử đi thi Hương ở trường Nam-định hồi năm 1910:

Lời người cha dạy con khi con được bỏ đi tri-phủ (3)

« Than ôi ! trẻ cậy cha, giả cậy con, sự trông cậy cũng nhiều đường, thứ nhất là phải ở sao cho trọn điều trung hiếu. Điều trung hiếu là đầu trong luân lý, những cách chính trị cũng ở đấy mà ra ; nhờ thánh hiền gi dạy lại, học để biết cách làm

người, cũng có khi học để biết cách làm quan nữa.

« ... (giữa lược) »

« ... Nhớ xưa ông Tử-sân làm quan có 4 điều tốt. Một là sửa mình biết nhún nhường; hai là thờ trên biết kính cần; ba là chăm làm ơn cho dân; bốn là lấy nghĩa phải dạy dân. Đấng thánh Khổng khen cho là người quân-tử. Cha nay cũng lấy đạo quân-tử dạy con và mong con còn như phận sự con ra làm quan, con đã học sách phải biết chức-phủ, huyện là cha mẹ dân, là thầy dạy dân, phải nghĩ sao cho xứ-đàng. Sách lại-trị có câu rằng: ngoài chỗ nhà môn, khoan một phần dân, nhờ một phần, trong chỗ nhà môn, nghiêm một phần dân, nhờ một phần, nghĩa là khoan với dân nhưng phải nghiêm với nhà, muốn làm sự lợi hại trước giữ cho khỏi tệ dã. Trong hạt nếu còn nhiều phạm cướp con về đó, con phải nghĩ cách dẹp cho được yên. Một là cách hình pháp, hai là cách nhận từ nhưng so lại làm cho dân sợ không bằng làm cho dân yêu. Thế thì sự giáo-dục lại cần hơn nhất, bởi vì dân có biết học thì mới biết nhẽ phải, thì quai mới dễ cai-trị. Những các sự công ích như là sự giống cây

việc buôn bán, sự công nghệ, con cũng phải lấy cách mới dạy dân, để cho trong hạt một ngày một thịnh giàu lên. Dân giàu có thể biết đường làm sĩ, chẳng lo gì chộm cướp nữa. Chử rằng: quan thanh dân tự an, con nhớ không? Sau này truyện tuần-lại ở trong sách Đông-dương Tân-sử, con mới được dự tên vào, trước không phụ ơn nhà nước, sau hổ công cha, thế là vừa được hiếu vừa được trung. Người ta có câu nói rằng: Con hạc cha nhà có phúc, sự cha mong con còn về nhiều. » (4)

(Phạm-văn-Thư) (5)

Đó là một bài văn phép tắc lễ-lối, đầu đuôi hô ứng rất chặt-chẽ: Đoạn đầu, nêu lên hai chữ « trung hiếu », đến đoạn cuối lại lấy hai chữ « trung hiếu » mà kết-thúc, khiến cho trước sau nhất khí, mạch lạc liên-thông, rất đúng cái phép khai, thừa, chuyển, hợp. Tự trung lại viện-dẫn kinh-diễn, trưng ra lời hay, việc tốt của thánh hiền: văn như thể rất lợi trường ốc. Nhưng phải cái từ đầu đến cuối, nó cứ phẳng pằng đều đều, không hay, không dở, làm cho người đọc có cái cảm tưởng như ăn cơm nguội, cá kho, không có gì là khoái trá cho miệng lưỡi.

Văn cử nghiệp ngày xưa đại khái đều như thế cả. Vì, như trên đã nói, văn khoa-cử chỉ là lối viết theo khuôn sáo trường-ốc. Viết cho đủ phê, thế là đủ đấy.

Bây giờ xin mời các bạn thử thưởng thức một bài văn ngoài trường ốc xem thế-chế khác nhau thế nào. Tôi lấy bài « Đánh bạc » của Tân-Dà làm tỷ-dụ:

«... (trên lược) Ngồi vào bàn bạc mà chơi ai không muốn

được. Nhưng sao cho được mà không thua. Thua rồi lại được, được rồi lại thua, đỏ đỏ đen đen lên voi xuống chó. Trong năm canh hi-hục, được hằng vui, thua dễ buồn, thường tình ai cũng như ai. Giờ chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tắt đèn lúc đang dậy ra về, còn gì mới là được.

«... (giữa lược) ..

«Này ai ơi! Thử trèo bức tường đồ, trông quăng đường xa, mồ con mắt nhón, chỗ năm chỗ ba chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cả, bây giờ đã ma! Nào tiền nao của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối-đỏ nào mảnh-mảnh hoa, nào đầu đầu cả? mà chỉ thấy sương mù, nắng dãi với mưa sa! Cuộc nhân thế từ xưa mãi thế, lòng chơi ta phải biết, trăm năm khôn đại dễ ru mà? »

Đọc xong, ta thấy, khác với bài « Dạy con » ở trên, bài này có vẻ kỳ dật ngoài vòng thanh khóa. Nó như con tuấn mã giông ruồi trên đường thiên lý, lớp sóng bạc đào-giát trong biển khơi. Nó không có cái sáo của mũi trường ốc, nó không chịu uốn nắn theo lễ-lối cây cảnh trong chậu sứ, nhưng có cái sinh-khí của cây tự-do mọc trong rừng sâu. Ngoài những lời xinh tươi, điệu uyển-chuyển, nó còn nhuộm một màu sắc triết lý nữa.

Tác-giả nó cố ý cho rằng cuộc đời chỉ là một canh bạc. Sau khi tan cuộc trăm năm, bây giờ mới rõ ai thua, ai được.

« Khôn đại đều về ba thước đất », rút cục chỉ còn cái tiếng đề lại là lãi về su. Cũng là đề tiếng, nhưng kẻ đi xừ, người lưu phương, khác nhau chỉ ở chỗ đó.

Dẫu vậy, cái triết lý ấy cũng không phải mới lạ gì. Chẳng nói chỉ trong các sách của Lão, Trang, Nho, Thích đã có nhan nhản, mà ngay ở trong các câu phong dao ngôn ngữ, là thứ tu-tưởng cổ hữu của dân Đại Việt ta, đã nói trước tác-giả nó rồi:

« Ở đời muốn sự của chung,
« Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thời »

Và:

« Cọp chết để da, người ta chết để tiếng lại. »

Chẳng qua tác-giả nó khéo nhân cái triết-lý cổ hữu ấy mà phụ-diễn cho thành một bài văn đẹp dễ đó thôi.

Sau khi đã so sánh hai bài văn một bài theo lối khoa cử, một bài ngoài trường ốc — ta thấy một đẳng có cái đẹp phẩn sấp của cô con gái bó chân và che lúp mặt; còn một đẳng là cái đẹp lộng lẫy hồng hào của cô con gái ra tập thể thao, linh thể được nở nang, các bộ-phận đều cân-đối theo tỷ lệ

HOA BẮNG

1) Cứ mỗi chữ cuối một vế đối trong bài, phải dùng chữ ăn vận với nhau mà ấu vào.

2) Cũng vì trại tên, nên nhà vua buộc người viết phải bỏ bớt nét những chữ huy. Lối này gọi là thanh hoạch.

3) Bài này cũng như bài dưới đều chép đúng nguyên văn từ cách chấm câu đến cách viết văn quốc ngữ.

4) Quốc văn luận thi, trang 3 — 5. Cái thành, nhà nội, xắt bu, nhà in Hồng kỳ in, 1912.

5) Đây tôi chỉ muốn mượn một bài văn thi Hương bằng quốc ngữ để làm đại biểu cho lối văn cử nghiệp-khối hậu học đọc biết qua thể-thức lối văn xưa là thế, chứ không có ý gì khác. Xin đừng hiểu lầm rằng kẻ viết bài này có ý phê bình hơn kẻ gấm hai tác giả có di yểu cho tập trích dẫn đây.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 8

Ứng-hoè NGUYEN-VĂN-TỔ

VI. — Thủ - đoạn tàn - nhẫn của Lã-Đại

Những chức thứ-sử - thái - thú ở Tàu sang có nhiều người tuy không được nhân - từ như Giả-Tung, Sĩ-Nhiếp, nhưng không đến nỗi tham-bạo như Tô-Định, Chu-Phù. Thí-dụ như Lã-Đại, kẻ về mưu-lược làm cho Lâm-ấp, Phù-nam sang tận nhà Ngô dâng cống, thì đối với Tàu cũng đáng công thật; nhưng đối với sáu anh em Sĩ-Huy, đã đỡ ra hàng mà lại giết cả đi, và sau vào đánh Cửu-chân, giết dân hàng vạn, thì thật là người tàn-bạo: chính trong sử Tàu như quyển *An-nam chí nguyên* (quyển 3, trang 151) cũng chép lời Tôn-Thịnh chê rằng « Võ về người xa, yên-ôn người gần, chẳng gì hay hơn điều tin. Lã-Đại lấy Sĩ-Khuông làm sư-hữu để thông tin-tức và lời thề đến Sĩ-Huy, cho nên anh em Sĩ-Huy ra hàng, mà Lã-Đại lại nhân đây giết đi để cầu công, cầu lợi! Vì thế người quân-tử biết Tôn-Quyền không phải là người viễn-lược mà họ Lã không được bền-lâu. » (1)

Nguyên nam binh-ngọ (226 sau T. C.) là năm Hoàng-vũ thứ năm của Ngô-Quyền, tức năm Kiến-hưng thứ tư của nhà Hán, năm Hoàng-sơ thứ bảy của nhà Ngụy. Ngô-Quyền nghe Sĩ-nhiếp mất, cho là Giao chỉ (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 1 a, chép là Giao-châu) xa - cách, mới chia từ Hợp-phố về phía bắc làm châu Quảng, cho Lã-Đại làm thứ - sử ;

từ Hợp-phố về phía nam làm châu Giao, cho Đái-Lương làm thứ-sử; lại sai Trần-Thị thay Sĩ-Nhiếp làm thái-thú.

Lã-Đại ở lại Nam-hải. Đái-Lương cùng với Trần-Thị đi trước đến Hợp-phố, thì con Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Huy đã tự-xưng làm Giao-chỉ thái-thú và đã phát binh chống-cự.

Khi Đái-Lương ở Hợp-phố, chức lại cũ của Sĩ-Nhiếp là Hoàn-Lân cúi đầu can Sĩ-Huy, bảo phải đón Đái-Lương. Sĩ-Huy giận, đánh chết Hoàn-Lân. Anh Hoàn-Lân là Trị, con Hoàn-Lân là Phát, hợp tất cả quân trong họ đánh Sĩ-Huy. Huy đóng thành giữ chặt. Bọn Trị đánh mãi vài tháng, không hạ được, mới xin hòa ước thôi quân.

Bấy giờ Lã-Đại đã phụng chiếu vua Ngô đề giết Sĩ-Huy, đem quân đi từ Quảng-châu, ngày đêm thẳng tới Hợp-phố, cùng Đái-Lương đến trước, dụ con Sĩ-Nhiếp (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 1, b, chép nhầm là con Sĩ-Nhiếp), là trung-lang-tướng Khuông, sai nói với Sĩ-Huy bảo « thú tội, tuy mất chức quận-thú, nhưng không lo gì ». Lã-Đại đi theo Khuông đến sau. Anh Sĩ-huy là Chi, em là Cán và Tung, cả bọn sáu người đều cởi tay áo đón Lã-Đại (theo tục Tàu, cởi một tay áo là đã chịu hàng). Lã-Đại cảm ơn và bảo mặc áo lại rồi đi đến quận trước.

Sớm hôm sau, Lã-Đại cho làm rạp mời anh em Sĩ-Huy lặn lượt vào ngồi ghế tân-khách: ngồi đủ

cả rồi, Lã-Đại đứng dậy, cầm cờ tiết, đọc chiếu-thư kẻ tội Huy, rồi trói lại chém, gửi đầu về Vũ-xương (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 1 b, chép hơi khác: Anh em Sĩ-Huy sáu người cởi tay áo đón Lã-Đại; Đại cứ ăn mặc thường, đến quận trước... kẻ tội Sĩ-huy: hai bên thuộc hạ quay lại trói anh em Sĩ-Huy, đem ra chém hết, gửi đầu về Vũ-xương).

Sĩ-Nhiếp, Sĩ-Vĩ, Sĩ-Khuông ra thú sau, vua Ngô tha tội; người làm con tin của Sĩ-Nhiếp tên là Sĩ-Khâm (*Toàn-thư* biên là Liễm) cũng được tha, nhưng đều phải cách làm thứ-nhân. Vài năm sau, Nhất và Vĩ có tội bị giết; duy có Khuông phải bệnh, mất trước.

Khi Sĩ-Khâm mất, tướng của Sĩ-Huy là Cam-Lễ và Hoàn-Trị đem lại-dân đánh Lã-Đại: Đại phá được, tiến-phong làm Phiên-ngung-hầu (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 3 b, chép Lã-Đại được phong vào hồi làm quan mục châu Giao, và chưa rằng: có chỗ chép Lã-Đại được phong Ngụy-quận Lăng-lệ công).

Bấy giờ bỏ Quảng-châu, lại đặt Giao-châu như cũ.

Lã-Đại dẹp xong bọn Sĩ-Huy ở Giao-châu, thì tiến đánh Cửu-chân, giết kẻ hàng vạn. Rồi sai chức tòng-sự đến phía nam tuyên rõ đức-hóa của vua Ngô, cho nên vua các nước Phù-nam, Lâm-ấp, Đương-minh đều sai sứ sang cống: Ngô-Quyền khen là có công, tiến-phong Lã-Đại chức Trấn-nam tướng-quân.

Đến năm Hoàng-long thứ ba (231; *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 2 b, chép nhầm là Hoàng-vũ), Mán Ngũ-khê ở Vũ-lăng làm phản, Vua Ngô cho là đất Nam đã yên, với Lã-Đại về dẹp. Thái-thú Hợp-phố là

Tiết-kinh-Văn (*Toàn thư* chép là Tiết-Tung) sợ người thay Đại không xứng-dáng, mới dăng sớ nói rằng: « Xưa vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở Thương-ngô; nhà Tần đặt Quế-lâm, Nam-bãi, Tượng-quận, thì những nước bốn phương nội-thuộc với Tàu, đã có từ lâu. Triệu-Đà khởi ở Phiên-ngung, võ-về những vua Bách Việt, tức là từ Châu-quan (*Toàn-thư* chép là Châu-nhai) trở về phía nam. Hán Vũ-đế giết Lã-gia, chia nước Nam làm chín quận, đặt thứ-sử để trông-coi, đem những người ở Trung-quốc sang, (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 2 b, chép là người cõ lọi), cho ở lẫn với dân, để dân biết học sách và tập tiếng nói, và để sứ-giả đi lại xem thấy lễ-nghĩa giáo-hóa. Kịp khi Tích-Quang làm thái-thủ Giao-chỉ, Nhâm-Diêm làm thái-thủ Cửu-chân, dựng học-biểu, dạy lễ-nghĩa: từ đấy trở về sau hơn bốn trăm năm, dân đã hơi biết; nhưng đất rộng người nhiều, núi rừng hiểm-trở, dễ sinh ra loạn.

« Tôi thấy Hoàng-Cải, người Nam-hải, được làm thái-thủ Nhật-nam, khi xuống xe (ngày mới đến nhậm chức), vì lại-dân cung-ứng trần-thiết không được hậu, nên đánh chết chức chủ-bạ, nhưng sau bị họ đuổi. Lại như việc thái-thủ Cửu-chân là Thiêm-manh, vì bố vợ là Chu-Kinh làm chủ-nhân một tiệc rượu, mời tất cả đại-lại uống say rồi cử nhạc; công-tào là Phan-Hâm đứng dậy múa, bắt Chu-Kinh cũng đứng dậy, Kinh không chịu, Hâm cố ép, vì thế Manh giận, đánh Hâm (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 3 a, chép là giết Hâm): em Hâm là Miêu đem quân đánh phủ-tạ, Manh bị chết. Thái-thủ Giao-chỉ là Sĩ-Nhiếp đem quân đến đánh không được

« Thứ-sử cũ là Chu-Phù cho những bọn người làng là Ngu-Bao, Lưu-Ngân, làm trưởng-lại, đề lần hiếp trăm họ, lấy thuế nặng của dân, một con cá vàng thu một hộc lúa, trăm họ ta-oản, sinh ra làm phản, đánh châu phủ quận. Chu-Phù chạy xuống bể, trôi mất xác.

« Rồi đến Trương-Tân, người Nam-dương, sang làm thứ-sử, uy-vũ không đủ, bị dân khinh nhờn, cũng bị giết. Sau khi Trương-Tân chết, Lưu-Biêu sai Lại-Cung là bậc tiên-bối nhâm-hậu thuấn-cần, nhưng không hiểu việc đời. Lại sai Ngô-Cự làm thái-thủ Thương-ngô: Ngô-Cự là người vũ-phu khinh-dễ không chịu phục Cung, bèn sinh ra oán-giận nhau; Cự đuổi Cung ra khỏi đất. Khi Bộ-Chất đến, tướng cũ của Trương-Tân là Lữ Di-Lục, Tiền-Bác còn nhiều: Bộ-Chất lần-lượt trị hết, xếp đặt vừa xong, thì gặp chiếu-thư triệu về.

« Khi Lã-Đại dẹp xong loạn Sĩ-Huy, đổi hết các trưởng-lại, đặt người khác, đề rõ-rệt cương-kỷ nhà vua: uy-phong khắp ra muôn dặm, nhờn nhỏ vâng theo. Thế mới biết việc võ-về ngoài biên-thùy, thực là ở chỗ có người giỏi: dùng làm chức mục chức bá, nên chọn người thanh-lưu; ở chỗ cỗi xa, lại cần quan-hệ.

« Nay châu Giao, tuy gọi là tạm yên, nhưng còn có giặc nấp ở huyện Cao-lương. Đến như Nam-bãi, Thương-ngô, Uất-lâm, Châu-quan: bốn quận chưa được yên-ôn, trộm cướp tụ họp từng bọn. Nếu Lã-Đại không sang Nam nữa, quan thứ-sử mới nên chọn người phương-lược mưu-trí, đề trông nom võ-về, uy-ủng hình-thế có khi thật khi giả, cốt cho thần-hiệu, mới có thể gọi là yên-ôn.

Nếu hạng trung-bình, chỉ giữ phép thường, không có mưu-thuật kỳ-lạ, thì trộm giặc càng thêm nhiều, lâu lâu thành hại, cho nên sự yên nguy trong nước cốt ở khi dùng người, không nên không xét kỹ.

Vua Ngô nghe theo, liền phong Lã-Đại làm quan mục châu Giao (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 3 a-8 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

1) *An nam chi nguyên* (trang 15) chép « Lã-Đại tên tự là Thục-công (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 3 a, chép là Đinh-công), người Quảng-lang. Năm thứ năm hiệu Hoàng vũ nhà Ngô tức là năm bình-ngộ 228, làm thứ-sử Giao-châu. Trước kia Sĩ-Huy ở Giao chỉ chống-cự mệnh-lệnh nhà Ngô, Lã-Đại đem quân vượt bể đến đánh. Sĩ-Huy sợ, đem anh em sáu người đến hàng: Lã-Đại chém cả. Rồi sai chức tòng-sự tuyên rõ uy-đức và mệnh-lệnh: các nước Phù-nam, Lâm-áp sai sứ sang cống. Vì có công, Lã-Đại được thăng Trấn nam tướng-quân, tiến phong Phiên-hầu-Khi Tôn-Lượng lên ngôi nhà Ngô, phong Lã-Đại làm Đại tư-mã. Lã-Đại là người thanh-trực công liêm, đến đâu cũng có đức-chính, có thể kẻ được. Khi ở Giao-chỉ lâu năm, không gửi lương về nhà, vợ con đói thiếu: Ngô Quyền nghe tiếng, ban cho tiền và lụa. Lã-Đại mất năm 96 tuổi. »

???

— Ai là quan Thám-hoa mà lại đi kéo vó như một thừng đàn?

— Ai đã dùng ba tấc lưỡi để tránh cho vua Tàu khỏi bắt dân ta róc tóc với bện đuôi xam?

Muốn rõ xin đọc:

« Quan Thám kéo vó » của Tiên-Đàm NG.-T.-PHƯƠNG đã có bán ở các hiệu sách
Giá 0\$35

In đẹp — họa sĩ PHẠM - GIA GIANG tốt nghiệp trường Mỹ-Thuật vẽ.

Phê-bình với văn-học-sử

KIỀU THANH-QUẾ

TRONG phạm vi văn học, phê bình văn học (*critique littéraire*) ở nhằm bậc thứ hai sau văn học sử (*histoire littéraire*) chỗ mà văn học sử chấm dứt hết là chỗ phê bình văn học bắt đầu.

Văn học sử là địa hạt của *Quá khứ*, trong đó các nhà văn tên tuổi vững chãi hay thường thường các nhà văn đã qua đời được nói đến.

Phê bình văn học là địa hạt của *Hiện tại*, trong đó không những các nhà văn hiện đại còn sống được nói đến mà cả đến một vài nhà văn quá cổ bị bỏ quên, nếu cổ díp, cũng được nhắc nhở đến. Vì như Vũ trọng Phụng đã qua đời. Nhưng lúc này nếu có một tác phẩm nào của ông hợp thời để đọc tái bản, tác phẩm ấy cũng được ngọn bút nhà phê bình đem ra phân tích giới thiệu với công chúng.

Với nhà phê bình, người ta thường đòi hỏi:

1.) Ý nghĩ của ông về một nhà văn nào, một tác phẩm nào (ý nghĩ của ông lẽ tất nhiên là cái tổng hợp của nhiều nguyên tắc, riêng và của những rung động riêng mà ông có sau khi đọc một tác phẩm văn chương):

2.) Những cảm tưởng riêng của ông sau một cuộc viễn du (ông ở đây được coi như một nhà du lịch), chứ không phải một tấm địa đồ như người ta thường đòi hỏi ở nhà địa dư học.

Những câu người ta có thể đem hỏi nhà phê bình là:

— Ông vừa gặp Vũ trọng Phụng phải không? Họ Vũ ảnh hưởng đến ông như thế nào?

— Nghệ thuật hành văn và quan niệm văn chương của Vũ trọng Phụng có hợp với nghệ thuật hành văn và quan niệm của ông không? Và ông hoan nghinh hay là công kích Vũ trọng Phụng?

— Những mối cảm động nào do Vũ trọng Phụng mà ông có? Cách nào tâm hồn ông tiếp đón hay phản động lại tư tưởng họ Vũ?

Ở phạm vi phê bình văn học, chưa có điều gì đã nói qua rồi cả, tất cả đều cần phải nói một cách mới mẻ. Cần phải thi hành một cuộc chọn lọc sáng suốt trong đồng sản phẩm văn nghệ do các nhà xuất bản đưa ra hàng tháng; nhặt ở đó những thiên-tài trong bông hoa đầu mùa, loại bớt những cây bụi viết nhiều mà không hy vọng.

Thi hành các công việc ấy, nhà phê bình không có can thiệp nào dựa vào cá. Chỉ hoàn toàn nhờ trực-giác, nhờ các tình cảm cố hữu dạt-dẫn!

Và phê bình văn học nếu không phải hẳn là một sáng tạo, ít nhất cũng là chút đỉnh « cái-cách » với tất cả tạo bạo, tất cả ngẫu nhiên của hai chữ ấy.

Trái lại, nhà văn học sử bao giờ cũng không được tự tiện phát biểu ý kiến về một tác giả nào cả. Ông phải:

1.) biểu-thị *tinh thần chung* của một thời đại theo mọi điều hiểu biết ông thấu-thập được trong khi tham khảo lịch sử;

2.) biểu-thị *tinh thần văn chương, nghệ thuật* của một thời đại theo mọi điều hiểu biết ông thấu-thập được trong khi đọc qua lịch sử văn chương và lịch sử nghệ thuật;

3.) chỉ rõ những ảnh hưởng có vang bóng ở tâm hồn tác giả;

4.) phân tích *tinh thần* tác giả căn cứ vào các sách biết tác giả thường đọc, vào thơ từ giao thiệp của tác giả trong xã hội;

5.) Nối rõ trong trường-hợp nào tác giả trừ thuật;

6.) Cũng không bỏ qua chuyện tác giả thỏa mãn hạng người nào và làm phật ý hạng người nào.

Điều cần nhứt nên tập lai, là nhà văn-học-sử không bao giờ được phép phân đầu *độc đoán* (tùy các nguyên tắc riêng) hay theo lối *cảm thụ* (tùy những rung động riêng) cũng vậy!

Tóm lại phê bình văn học và văn học sử là hai lối tuyệt nhiên khác hẳn nhau. Vậy thử hỏi một nhà văn có thể thành công trong cả hai lối ấy không?

Như Sainte Beuve chẳng hạn, ông có thành công trong cả hai lối ấy không?

Đọc tập *Portraits contemporains (Nhân-vật hiện thời)* của ông, nhất là các bài viết về các thi-sĩ Lamartine, Victor Hugo, Vigny, Musset, Desbordes-Valmore của ông, ta thấy ông là một nhà phê bình sáng suốt.

(Xem tiếp trang 21)

BÀ LỚN ĐUÔI LỢI

TRONG rừng núi vùng Tuyên, Hưng, có giống thú gọi là dã-nữ, hình vượn mà mặt người, tinh-khôn, nhanh nhẹn, bầy họ nói được tiếng người như đứa trẻ con. Người ta bắt được, dạy cho nói, và lén lẹu lẫm, có khi người ta nuôi để đùa cợt. Giống thú ấy, tức gọi là đuôi-lợi.

Lợn-biệt là đất cò dẽ dõ, tứ chiếng quằn cừ, sai, ngoa thành thói. Mọi người, giao tiếp, chỉ dựa ganh những sự hãnh diện. Nhất những dân buôn bán càng tệ, họ rất ưa giao thiệp với người phú quý, thấy ai vận mặc ra lối quan dạng đến hàng thì kính thờ như là thần-minh, nhờ mua sắm hàng hóa thì rất nhanh nhẹn, chỉ pháy mắt là có đủ hết. Họ ngồi ở cửa hàng, thấy khách đi qua ngoài phố thì chào mời lợi lả; khách vào xem hàng, mồm miệng chần tay họ không dừng lại một phút nào. Thấy khách trẻ trai lanh lẹ ư? Họ gọi là « cậu cả »; khách bề vế elững chạc ư? họ gọi là « quan lớn »; khách là dân bà sang trọng ư? họ gọi là « bà lớn ». Chỉ lấy quần áo mà định sự sang hèn chứ không cần biết người ấy là ông nào, bà nào, quan gì, chức gì. Chén nước coi trầu, mời thết như người quen biết sẵn, khiến người không thể rút áo mà đi ra được.

Hồi quốc-sơ, nhà vua đặt nha Tổng-trấn Bắc-thành, các việc lại, bộ, binh, hình của 13 tỉnh xứ Bắc đều thuộc vào đấy. Bấy giờ các quan võ được coi trọng lắm, các viên quan ấy, phần nhiều là người

miền nam-bắc, người các tỉnh miền Nam kinh-thành. Ra làm quan ở đây, các viên đem theo cả gia đình. Vợ con học theo cách điệu của dân bà Đồng-kinh (Thái-lơng), diện phứn tô son, làm đóm làm dáng, hoa-tai vành-cánh, sùng soảng ki-ông-vĩu một thứ gì. Mỗi khi ra phố thì con hầu xúm xít chung quanh. Vào hàng nào mua hàng, không xưng là bà-lớn Quán-cơ, tất xưng là bà lớn Chuông-vệ. Nhà hàng đưa hàng ra bán, dù có khai giá đắt cũng cứ theo lời mà giảm, không kỷ kèo bớt một thêm hai gì cả. Bởi thế các cửa hàng buôn, thường coi bọn các bà lớn ấy là khách hàng bở, nhiều khi cứ đưa hàng đến nhà rồi mới lấy tiền sau. Vóc Ngõ gấm Tục, đồ sứ Tô-Hàng, không có thứ hàng gì phải lơ bị động.

Có một hôm kia, trên đường phố có một cái kiệu màn lam khiêng đi, chung quanh buong rèm kín mít, về lộng lẫy làm cho người ta choáng mắt. Bọn đây tò theo hầu đến hơn mười người, ai nấy đều mặc áo nỉ đỏ, cổ viền kim-truyến, tấm lét kính càn ở chung quanh kiệu. Một tên hầu có vẻ lanh lợi và chững chạc nhất mới được chủ nhân phó thác lại bên rèm để nghe lời trong rèm truyền bảo. Lời truyền ra cũng không rõ lắm, chỉ vang vang thấy mấy tiếng « được rồi » « tốt tốt » mà thôi. Tên hầu vào một cửa hàng nói với chủ nhân rằng:

— Bà lớn trong mình khó ở,

không tiện xuống kiệu xem hàng được. Bà lớn muốn mua các đồ gấm vóc the đoạn, cùng những đồ chơi bày trong nhà, vậy nhà hàng có những gì thì đưa ra để bà lớn mua.

Nhà hàng dốc từ dốc hòm đi ra, thử gì không đủ thì đến các hàng quen lấy về cho đủ. Tên hầu nhất nhất đem đến bên kiệu, khẽ bức rèm son để bà lớn xem, thử gì cũng thấy bá khen tốt tốt. Nhà chủ khai giá, cả thầy đến mấy mươi trăm lạng. Tên hầu nói:

— Bà lớn đây là vợ quan Lãnh-quân mới đến tỉnh chức, định ngài cách tòa Đồng-tiến 13 gian về phía nam. Nhà hàng muốn lấy tiền lấy bạc, chịu khó đến đây mà lấy.

Chủ hàng vâng vâng. Thế rồi, kẻ ôm vóc nhiều, người cắp gấm đoạn, kẻ mang những đồ lặt vặt, đều là người nhà bà lớn cả, họ chạy đi rầm rập ở chung quanh kiệu, chủ hàng cũng đi theo sau. Khi họ vào trong thành thì cao tay chỉ là bạc quý-nhân, không dám ngăn lại để hỏi han gì cả. Kiệu đi đến bên ngoài một bức tường dài và thấp, cổng giữa bỏ ngổ, bên trong có mấy nếp nhà vừa ngói vừa gianh, tựa như là dinh « quan Chuông-cơ ». Bọn hầu dừng kiệu để mời bà lớn xuống. Một tên hầu gật:

— Bà lớn đương ngủ, hãy để im cho bà lớn ngủ. Các anh lấy cái gác mà đặt kiệu lên, thông thả chờ bà lớn tỉnh dậy. Các anh chờ đây, bà hàng thì hãy vào ngồi đợi trong hàng nước kia. Đợi chúng tôi đem hàng vào để quan Lãnh xem rồi sẽ lấy tiền ra (giả).

(Xem tiếp trang 21)

QUYỂN « ĐỜI SỐNG THÁI CỔ »

Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tổ

Ông Nguyễn đức Quỳnh vừa đăng trong tập *Văn mới*, số 13-14, ra ngày 25-6-1943, quyển thứ hai bộ *Lịch-sử thế-giới*, là quyển nói về *Đời sống thái cổ (thời đại thạch khí)*.

Mới đọc qua tên sách, ai cũng tưởng rằng ông Nguyễn đức Quỳnh đã lấy những di-tích còn lại và chép theo các sách chuyên-khảo, để cho ta biết đại-khái người đời xưa lúc mới đẻ ra thì nuôi-nấng thế nào, đến lúc lớn lên thì có những nghề gì, dùng những thứ gì, kiếm ăn ra sao, có cưới xin không, đã biết họp nhau chưa, lúc ốm đau thì chữa thế nào, có cúng-lễ gì không, sau khi chết thì chôn hay thiêu?

Ông Nguyễn đức Quỳnh có nói một vài việc ấy ở phần thứ hai, nhưng sơ-lược quá, mà phần nhiều không đích là những việc của đời thái-cổ, như về đồ gốm ông viết ở trang 127 như thế này: « Trong các lều túp và lãng-tầm người thái-cổ, còn đào thấy hàng nghìn khi-cu bằng sành, từ các đồ thô sơ — chắc do đàn bà trẻ con nặn — tới các đồ vật tinh-sảo, trạm trổ khắc vẽ rất tinh-vi, đủ kiểu, đủ bình, đủ mẫu » (?).

Ở phần thứ nhất, ông nói loài người xuất-hiện, rồi dời đi ở nhiều nơi, phân-tán đi nhiều chỗ, chia ra từng giống, v. v... Tuy lời văn gọn-gàng, nhưng vẫn còn một vài đoạn theo lối tây quá, như đoạn sau này (ở trang 40): « Công cuộc phân tách này chỉ cốt chứng-minh sự hỗn-hợp của các giống, sự giao-

tiếp giữa các nòi đã dần-dần thế-giới-hoá Nhân loại đề sau này đi tới một dân-tộc duy nhất: nhân loại đại-đồng ».

Ông hay kể tỉ-mỉ và dẫn những sách không có giá-trị gì, như sách của ông H. Frey (*L'annamite mère des langues, Les Egyptiens préhistoriques identifiés avec les Annamites*), v. v., là những sách mà chính các nhà học giả đã bảo là không nên nói tới.

Phạm sách thuộc về khoa-học mới, chưa ai làm bằng quốc-ngữ, mà nay lấy sách tây thuật lại cho người Nam ta xem, thì phải làm thế nào cho người ta đọc lên biết ngay là nói những gì, chứ chớ chắt những lời bần hay chú-thích, thì chỉ làm lạc đầu đề đi thôi: nói tóm lại, cứ chép những điều đại-cương và dẫn những sách cốt-yếu, nhất là những sách xuất-bản gần đây, đã được người Pháp cho là sách có giá-trị, như về đời thái-cổ, có quyển A. Vayson de Pradenne, *La préhistoire* (Collection Ar-

mand Colin, 1933), quyển M. Boule, *Les hommes fossiles* v. v.

Lại còn một điều nữa, là nên lấy những việc Á-đông làm thí-dụ, thì người xem sách mới dễ hiểu, mà khoa-học mới bồi-ích cho người mình: ở đây ông Nguyễn-đức-Quỳnh không làm thế: ông chép những việc bên Tây làm phần chính, những việc Á-đông làm phần phụ. Nói như thế, tất ông giả lời rằng: mỗi người làm sách có một lối riêng!... Vẫn hay thế; nhưng ta phải nhớ rằng nước ta theo văn-hóa Tàu đã mấy nghìn năm, cho nên kể sách quốc-văn mà dẫn tên người tên đất của Tàu, thì hình như đã nghe quen rồi; nếu chép nhiều tên tây chữ tây, mà lại nói về khoa-học mới thì thật không ích gì cho người Nam, vì người không biết chữ tây, xem đến không hiểu, mà người đã biết chữ tây, có lẽ không xem đến.

Thí-dụ như đoạn « hiến thân » ở trang 141, và « đốt đàn bà góa, chôn người hầu » ở trang 146 giả ông Nguyễn-đức-Quỳnh chịu khó mở những sách nho của Tàu
(Xem tiếp trang 20)

SỔ ĐẶC-SAN VỀ Văn học phụ nữ Việt-nam

sẽ xuất bản vào tháng 9 tây này.

sẽ là cái biều đánh dấu những bước tiến tới của phụ-nữ ta trên đường văn học ;

sẽ là những tài-liệu về văn học rất đáng chú ý ;

sẽ là một tác-phẩm rất công-phụ...

Ngoài những bài của các nhà văn văn quen biết, còn có những cây bút của bạn nữ lực góp sức vào nữa.

NHỮNG ÔN, NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 61

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

KHOA đình - mùi năm Hồng-đức thứ 18 (1487) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy ba ông đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ:

1. — Trần - sùng - Dĩnh, người làng Đồng-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Làm nhà ở làng Man - nhuế. Sách *Đại-Việt đình-quyển phát-lục* (bản sao của Trương Bắc-cổ, số A 1205, tờ 15a-b) chép « ông là người tài học tính nhanh, đỗ giải-nguyên (đỗ đầu thi hương) sớm lắm. Năm 23 tuổi, đỗ trạng-nguyên khoa đình-mùi, năm Hồng-đức thứ 18 (1487) đời vua Thánh-tông nhà Lê. Ứng chế hợp cách (chế là đầu bài của vua ra). Làm quan từ chức đồ-ngự-sử, vào đầu tòa Kinh - diên (giảng sách cho vua nghe), thăng đến chức thượng-thư bộ Hộ, rồi mất. Làm phúc-thần làng Đồng - khê. Ông là anh ông Trần-Năng đỗ hoàng-giáp khoa quĩ-sử 1493. » Ông có năm bài thơ cận-thể chép trong *Toàn Việt thi lục* (sách viết của Bắc - cổ, số A 1262, quyển 14-16, tờ 23 b), đều họa theo vần của vua Lê Thánh-tông. Bài thứ nhất đề là *Thiên-vực-giang hiều phát* (sáng ngày nhờ neo ở sông Thiên - vực), bài thứ hai là *Truy hoài Thánh-tổ huân - nghiệp* (nhớ công - nghiệp vua Lê Thái-tổ), bài thứ ba là *Hạnh Kiến thủy đường* (ngự nhà Kiến-thủy) bài thứ tư là *Quang đức điện thượng cảm thành* (lên đền Quang-đức cảm-hứng thành thơ), bài thứ năm là *Chủ Thúy - ái*

châu (dừng chân ở châu Thúy-ái) Bộ *Khâm-định Việt-sử* (quyển 24, tờ 19 b) chua « *Thúy - ái châu ở bờ phía nam sông Nhị-hà, nay thuộc huyện Thanh-tri, tỉnh Hà - nội* »

2. — Nguyễn - đức - Huân, người làng An-định, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Nguyễn có tên ở sổ bộ làng Cồ-châu. Đỗ bảng-nhữn khoa đình-mùi 1487. Cùng với ông Trần-sùng Dĩnh vào đình - đối, thì hai ông ngang nhau. Vua sai xét mình người, lời nói và chữ viết để phân-biệt, thấy ông Trần-sùng-Dĩnh có tài nhanh, cho đỗ trạng-nguyên, ông Nguyễn-đức-Huân đỗ bảng-nhữn (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 58 a). Mùa đông năm ất-mão 1495, ông Nguyễn - đức - Huân đương chức Hàn-lâm thị-thư, được dự Tao-đàn nhị-thập-bát tú. Có lần đi sứ Tàu. Làm quan đến thượng-thư, tước Ninh-quận công (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 78 b). Ông có sáu bài thơ cận-thể trong *Toàn-Việt thi lục* (quyển 14-16, tờ 24 b): năm bài trên họa theo vần của vua Lê Thánh-tông (*Quân - đạo*, đạo làm vua, *Thần - tiết*, tiết làm tôi, *Kỳ-khi* khi lạ, *Văn - nhân*, Mai-hoa), bài dưới đề là *Văn Thánh-tông Thuần hoàng-đế* (viếng vua Lê Thánh-tông Thuần hoàng-đế).

3. — Thân - cảnh - Yân, người làng An-ninh, huyện An-dũng, trấn Kinh bắc. Đỗ thám-hoà năm 1511, 25 tuổi. Làm quan đến chức đồ-ngự-sử, Ông là cháu nội ông Thân-

nhân-Trung, con ông Thân-nhật-Tin: con đỗ trước cha (ông Thân-cảnh-Vân đỗ khoa đình-mùi 1487. ông Thân-nhật-Tin đến khoa canh-tuất 1490 mới đỗ. Ông là cháu (gọi bằng chú hoặc bác) ông Thân-nhân-Vũ: ông cháu chú cháu cha con cùng đỗ đại-khoa, làm quan một triều (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 71 b).

Khoa đình-mùi 1487, lấy 30 ông đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ xuất-thân.

1. — Vũ-Cảnh, người làng Dưỡng-dộng, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Làm nhà ở làng Kim-đôi, huyện Lang-tài, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ năm 26 tuổi. Làm quan đến thượng-thư, kiêm chức đồ-ngự-sử (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 93 b). Ông có năm bài thơ cận-thể trong bộ *Toàn Việt thi lục* (quyển 14-16, tờ 26b), đều họa theo vần của vua Lê Thánh-tông (Bài yết Sơn-lăng, Nhớ công-nghiệp vua Lê Thái-tổ, Lên đền Quang-đức cảm-hứng thành thơ, Ngự nhà Kiến-thủy, Dừng chân ở châu Thúy-ái).

2. — Nguyễn-thần-Lộc (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 58 a, chép là Nguyễn-phú-Lộc), người làng Đồn-bồi, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 24 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức tham-chính, được phong là tiết-ngũia, vì tránh nhà Mạc bị cướp giết; truy tặng chức phó-đồ-ngự-sử. Là ông nội ông Nguyễn-vĩnh-Phúc (tức Vĩnh - kỳ), đỗ đồng tiến-sĩ khoa kỷ mùi 1559 (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a; *Lịch triều hiến-chương*, quyển 12, tờ 6 b).

(Xem tiếp trang 20)

SỰ THỰC CÂU CHUYỆN

Nước bể hóa ngọt và cảnh cây hóa chim

HAI câu chuyện này có chép ở bộ Bôn-triều-thực-lục, vào hồi chúa Nguyễn-Ánh, đánh nhau với nhà Tây-sơn.

Chuyện nước-bể-hóa-ngọt sản xuất từ chúa Nguyễn-Ánh, đi thám-trận ngoài bể hết nước.

Chuyện cảnh-cây-hóa-chim, sản xuất từ ông tướng Nguyễn-hoàng-Đức, đi trong rừng hết lương.

Theo sử bôn-triều chép, năm quý-mão (1771) chúa Nguyễn-Ánh đi do thám hư thực quân Tây-sơn ở cửa bể Ma-ly, bị Tây-sơn biết, liền đem hơn hai chục chiếc chiến-thuyền, chặn đường vây bắt, thuyền Chúa trương buồm chạy tháo, lưu lạc ngoài bể tới bảy ngày đêm, trong thuyền hết nước, suýt bị chết khát cả. Khi cùng kể, Chúa mới cầu khẩn trời đất, bỗng thấy trước mũi thuyền cò dòng nước trong trắng, nếm thấy ngọt, liền múc uống, và trữ năm sáu chum, mới đủ nước khỏi khát, trở về nơi cũ.

Nước bể vốn mặn bỗng hóa ra ngọt, mọi người đều lấy làm lạ, cho là trời cứu họ vị vua chân mệnh.

Lại thấy chép một chuyện nữa nam kỷ-dậu (1777) ông Nguyễn-hoàng-Đức, là viên tướng mạnh của chúa Nguyễn-Ánh, trước bị Tây-sơn bắt, lưu dùng làm tướng. Nhưng ông không quên chúa cũ, thừa cơ đem cả một đội quân, trốn vào rừng, từ vùng rừng tỉnh

Nghệ, đi lẫn lên Lạc-hòn, Vạn-tượng, qua Xiêm-la, về Gia-định.

Trong lúc ông Đức đem quân trốn vào rừng tỉnh Nghệ, đi đường hết lương nhịn đói, phải ăn lá cây đồ dói, đã ba bốn ngày không có gì ăn, chưa tìm thấy chỗ có người ở, tưởng chết đói cả bọn giữa rừng.

Bỗng thấy một cây đại-thọ, lá cây hóa ra chim, cánh chân có đủ cái mỏ vẫn còn dính ở cây. Mọi người bắt chim ăn đồ dói, mới có sức mà đi, lần tới chỗ có người ở, kiếm lương ăn, trở về chúa cũ.

'Lá cây là một thứ chất đắng, bỗng hóa ra chim ngon ngọt, nuôi sống cả toán quân, ai nấy đều cho là trời cứu giúp ông, tướng trung nghĩa mới biến hiện ra như thế.'

Như hai câu chuyện sử chép đây, nhà viết sử cho là thần-kỳ làm triệu trẫm, của một vị vua chân mệnh, với một vị tướng trung nghĩa, có trời đất, non nước, giúp công. Còn người hiện thời bây giờ, nghe câu chuyện ấy, phần nhiều cho là hoang-đường không đáng tin. Đã có lần thấy người ta chỉ trích hai câu chuyện ấy, làm chuyện hoang đường, nêu trên báo sách. Nên tôi mới viết bài này, để chứng rõ hai chuyện ấy, đều có sự thực chắc chắn.

Như sở-kiến của tôi, thì hai câu chuyện sử chép đó, cũng là chuyện thường, chẳng lấy gì làm lạ.

Nguyên lúc trời mưa nhiều, nước các sông ngòi chảy ra bể

toàn là nước ngọt. Lúc đầu mới chảy ra bể, nước bể chưa pha lẫn kịp, những luồng nước ngọt nhẹ, vẫn chảy thành từng luồng trên mặt bể, nước mặn nặng cứ chảy dưới, lâu ngày mới pha lẫn được nhau. Những người đi chài lưới ngoài bể, thường gặp luồng nước ngọt như thế múc uống luôn. Mà rất dễ nhận, là, ngoài bể nước sâu, trông đen sì, hề thấy luồng nước trong trắng, biết ngay là nước mưa, của các sông ngòi chảy ra, hoặc thấy luồng nước đỏ ngầu, cũng biết ngay là nước mưa, từ sông Hồng-hà chảy ra, cứ tới mức uống. Đó toàn là nước ngọt chưa lẫn nước bể.

Luồng nước ngọt ấy, các người chài lưới, thường gọi là *«lò-nước-đúng»* đã thấy *lò-nước-đúng*, thì không dám thả lưới, họ biết trong nước ngọt làm gì có cá bể, mà thả lưới. Chẳng may thả xuống rồi, mới bị luồng nước ấy chảy tới, thì nước ngọt nhẹ chảy mạnh quá, làm lưới xe thành từng cục, có khi nó chảy đứt cả lưới không biết đâu mà tìm.

Các loài cá bể, đi nhằm vào luồng nước ấy, cũng bị chết hết. Tò như cá ông voi, người ta thường gặp chết vì *lò-nước-đúng* luôn.

ĐỌC VĂN VIẾT VĂN

Ngài thấy một không đủ sức làm việc, hãy uống 1 viên thuốc bổ khỏe Trường-Xuân. Ngài uống thường sẽ cường-khien.

Mỗi hộp 0\$80 do Tam-bảo Dược-phòng 117 Faucault Saigon bào-chế. *Đề mandat cho O. Phạm văn Điều.* Mua sẽ huê-hồng đặt biệt.

Khi chúa Nguyễn-Anh bị Tây-sơn đuổi, chạy bạt ngoài bể hết nước, có lẽ gặp luồng nước ngọt chưa lẫn nước bể, mức uống giải-khát, cũng là sự thưởng, lẽ có chuyện thật, chứ không phải *triệu-trăm* gì, mà cũng không phải bịa đặt hoang đường.

Còn chuyện lá cây hóa chim, thì ở vùng rừng hạt Quý-châu, Tương-dương, tỉnh Nghệ-an, có một giống cây, gọi là *cây dung*. Lá nó dài như lá chè, cứ một cái cuống⁽¹⁾, chia ba lá thành một chùm. Đến rạo tháng chạp tháng giêng hai ta, những lá dung còn lại, ba lá kết hợp với nhau, dần dần hóa thành con chim, như con chim chích.

Giống cây ấy, trong rừng rất ít thỉnh thoảng mới có một cây. Tôi đã có lần đi trong rừng, gặp *cây dung đương hóa chim*. Ban đầu cũng lấy làm lạ, mới hỏi người thổ-nhân, thì có mấy người hiểu biết đều nói: cây ấy gọi là *cây dung*, lá nó hóa ra con chim, về thời kỳ nó hóa chim, người « Mèo » (1) thường đi kiếm, lấy về làm thức ăn.

Xem như thế, thì biết lúc ông Đức bà-nhà Tây-sơn đem quân trốn vào rừng, chính là khu rừng thượng du tỉnh Nghệ, gặp kỳ lá cây dung hóa chim, có thể ông bắt gặp, lấy chim ấy sung-cơ, chứ có phải vì ông trung-nghĩa mà lá cây hóa ra chim, để nuôi sống ông đâu.

Chính có sự thực rất thường ấy, không nên cho là triệu-trăm, mà cũng không nên bảo là hoang đường.

Tôi nói đây, có người vẫn còn ngờ vực, tự nghi nước bể có thể có luồng nước ngọt, của sông ngòi

chảy ra. Đến như lá cây là loài thực-vật, bảo hóa ra loài Động-vật ắt chưa lấy làm tin chắc chắn.

Những cô biết đầu hết được sự biến hóa của tạo-hóa, thật vô cùng tận.

Cứ xem như trên rừng có một giống cây, dây nó leo, vỏ nó có lông, sắc dây có từ khoang trắng, khoang vàng, người ta gọi nó là dây bươm bươm. Cứ tới tháng ba, dây ấy hóa thành vỏ sò bươm bươm, bay chập chờn, đầy ngập cả rừng núi khe suối. Đây cũng là thực-vật hóa ra động-vật đó.

Lại như vị thuốc đông-trùng-hạ-thảo, nó vốn là cây cỏ, mùa đông hóa thành con sâu như con lằm: Tôi mùa hạ con sâu ấy lại mọc rễ hóa làm cây cỏ. Tới mùa đông nữa, lại cứ hóa làm con sâu. Giống này ở Lạng sơn ta vẫn có, mùa đông người ta thường lấy được: con sâu đông-trùng-lạ-thảo, xào mà ăn. Nó cũng là loài thực vật hóa thành động vật.

Và như rễ *cây lúa* đất « đồng chua » (2) hóa ra *con rươi* ta thường ăn. Cây cỏ mọc, chỗ ẩm ướt, hóa ra con *đom đóm* lập lòe sáng, cũng thực vật hóa động-vật đấy.

Như thế thì lá cây hóa chim, cũng không phải ngờ. Nên cho là sự biến hóa của muôn loài trong vũ-trụ.

Những điều iến van ấy, có thể chứng thực cho hai câu chuyện của sử-ký trên kia vậy.

NGÔ-DỨC-KINH

(1) « Mèo » là giống mèo ở thượng du tỉnh Nghệ.

(2) « Đồng chua » là cánh đồng ở gần bể, nước ngọt hơn lẫn nước mặn, gọi là nước chua, rễ cây lúa đất ấy, mới hóa được thành con rươi.

Sách mới

I. — *Kim Vân Kiều* quyền thứ II của Thư xã Đắc Lộ phát hành

Cuốn *Kim Vân Kiều* này là trọn bộ tập danh văn của thi sĩ Nguyễn-Dư, ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra chữ Pháp.

Xem hết tập này ta lại càng nhận thấy cái tài dịch thuật của ông Vĩnh và mừng rằng Thư-xã đã cho in một cuốn sách cổ tích cho những người Pháp và người Nam muốn tìm học.

Sách dày 700 trang, bản thi ông giá 3 \$ 00, bản giấy đẹp : 8 \$ 50.

II. — *Sáu điều Phật dạy và Địa tạng Bồ tát* của ông Tùng Thành Nguyễn Nhàn, tham tá như Tư pháp gửi tặng.

III. — *Le Docteur A. Yersin* của phủ Toàn Quyền xuất bản. Có nhiều ảnh và bút tích của bác sĩ. Cuối sách có bản dịch ra quốc văn của ông Trúc Đình những bài đang trong đầu sách rất lưu loát.

IV. — *Pour mieux comprendre la révolution nationale* của S. Lehnebach, do sở Tuyên truyền báo chí ở Nam kỳ xuất bản. Sách in đẹp, giấy tốt và có những mục chính : la révolution et le passé — position de l'homme : individualisme ou personnalisme, la famille, tradition française — Patrie, nation, état, văn vân...

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới thiệu với các bạn.

TIỆM ĐÀM

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giá in trước

« HẬU-LAI ÁCH-TRÍ » (L'AVENIR LA SCIENCE)

của RENTiên-sinh

Số 3

Thịnh-quang ĐỒ THỨC

chuyên về kỹ-nghệ. Bởi cùng lứa đây, tìm sự khoái-lạc riêng cũng như người chuyên kỹ-nghệ tìm món lợi vậy.

« Ta đã từng rõ sự tò - mò có nhiều bậc, tinh ham-chuốc nhỏ-mọn góp nhặt đồ-vật có hơi khác với sự trẻ con ham-mê đồ chơi, tinh ham ấy xa cách tinh ham cao-thượng hơn, trở nên sự hiếu-học, nghĩa là cái bản-tính hợp-tắc của nhân - quần, có thể lập thành cuộc đời cực trang-trọng vậy » (trang 124).

Theo ý tiên-sinh đã ngộ đấy, thì chỉ ai biết mộ khoa-học như người mộ đạo, như người cao hứng vịnh thơ, mới xứng đáng là một nhà trí-thức. Thật nhà khoa-học không những làm tri-tuệ mà thôi đâu, ắt còn phải giàu tinh-tâm về nhân loại; tiên-sinh đã viết một đoạn nữa rằng: « Khoa-học, mỹ - thuật, triết-học ngoài phương - diện nhân - quần, thì không có thể có nghĩa lý. Ai mà coi tất cả muôn vật, mắt thấy một tấm hình-thức của tinh-thần, chun đưa một bước tới gần ông Thiên-chúa (Dieu), thì kẻ ấy có thể biết được muôn sự tận-mỹ. Vì thế này phải nói rõ là chính giống người ta ở đây chỉ là một nét biêu ký: sự đẹp đẽ hoàn-toàn tại thiên đế, nghĩa là tại tất cả muôn vật mà thôi. Những công-trình tối cao-đại là những công-

trình của giống người ta đã cùng làm nên, không có danh - hiệu gì riêng của ai có thể dính-liú vào đó được. Các sự-vật rất đẹp-đẽ đều vô-danh cả » (t. 194).

Các nhà sùng-bái chân-lý thành thực ắt phải công-nhận rằng tiên-sinh đã biết thấu đến tâm - hồn con người ta rất sâu-xa.

Tiên-sinh bàn về lịch-sử khoa triết-lý, thì nghĩ rằng: Lịch-sử ấy đáng nhẽ ghi chép những tư-tưởng của nhân - quần. « Trong mở tư - tưởng thông thường của một dân-tộc về một thời đại nào, có triết-lý, có văn-chương, không ai đã biến ra, nhưng phải kể đến mới được. Người ta tưởng rằng một dân-tộc chỉ hồi nào có những công-trình vĩ-đại hiện thấy có rõ ràng thì dân-tộc ấy mới có văn-học mà thôi... Nhưng mà những món xuất-sản về văn - chương của các dân - tộc còn ấu - trĩ, ấy là những điều tưởng-tượng huyền bí không chép ra (việc ghi- chép hợp tác phải dùng trí, duy dân-tộc nào có biết tư tưởng đến bậc khá cao thì mới nghĩ đến việc đó), những điều tư-tưởng lưu thông khắp cả nước, những cớ-lệ tổ-truyền sống có hàng nghìn đường bí-mật, mỗi người theo một cách riêng để tồn cổ vậy » (trang 198).

Tiên-sinh đã viết thế, tỏ ra một nhà học sử biết cuộc hoạt-động của các dân-tộc xưa nay. Quốc-

văn, quốc-hồn có phải chỉ ở đồng sách vở mà thôi đâu: Về thừa di-vãng trong một nước, như nước ta, chưa dùng đến chữ nho hay chữ nôm mà chép truyện ắt là phải dùng lối khẩu truyền, ấy là nguồn văn-học không viết ra, mà tiên-sinh đã lưu ý đến kia.

Còn về những sách vở đã xuất-hiện, Renan đã thấy có nhiều chuyện buồn cười, vì nổi làm người chân-thực tồn biết bao công phu để giải thích những điều chi-tiết về mọ làm văn Đai, cốp nhất những câu tiêu chủ, so-sánh những câu văn-từ có khác nhau của một nhà trước-tác nào đã cò, thường thường chỉ vì vâu làm kỳ-quặc, hoặc đáng liệt vào hạng thứ mà thôi. Tóm lại, chỉ vì họ không hiểu rộng lịch-sử tinh-thần con người ta với sự khảo cổ. Tri-tuệ khi đã tiến-bành khắp mọi nơi không-gian thì muốn quay trở về những điều đã tư-tưởng rồi. « Các người tân-tác thứ nhất không ngó lại đằng sau mình, cứ cặm-cui đi, chẳng có ai dẫn lối, chỉ theo những nguyên-tắc bất hủ của bản-tính nhân-loại mà thôi. Nhưng rồi sau có một ngày kia, không làm thế nữa, khi có sách-vở đã khá nhiều để mà thu-lập so-sánh được, thì tinh-thần muốn tiến-bành chắc-chắn, biết đường rõ-ràng, bèn nghĩ đến sự đem các công trình đã làm ra mà đối cứu với những công-trình các thế-kỷ dĩ-vãng xem sao: đến ngày ấy thì có thứ văn - chương nghiên-ngẫm, lại có thứ khoa-học bác ngôn (philologie) đi đối với thứ văn-chương kia » (t. 130).

Những nhời tiên-sinh viết ra đấy, thiết tưởng chẳng sai chút nào, về lịch-sử văn - chương các dân-tộc.

Các nhà sùng - học, chịu khó nghiên-cứu các nhẽ còn hồ-đồ chưa rõ, thường bị người đời quên - bỏ, không đề ý đến chi. Renan khuyên ta phải biết ơn các nhà ấy, đã có công thử xét một vấn-đề gì, dấu rằng tất nhiên không thể giải - quyết xong vì chúng - trước khi tìm được câu giải-quyết đúng, phải thử nhiều câu không đúng. Phải mơ-mộng tìm ra bài thuốc tiên bách giải, hòn đá hóa kim (pierre philosophale). Lại cứ nhời tiên sinh nói: « Ta không thể trọng sự khôn ngoan vô-vị kia, trong lũ ta nay rất sùng-ấn, cứ chỉ trích những người ra sửa tìm-tòi, mà chính mình thì cứ lý một nơi, không làm chi cả... » (trang 371).

Nhời tiên-sinh nói vậy, có nhẽ ngậm-ngọt quá. Nhưng ta nên nhận rằng hạng người hay-chỉ trích công-phu của kẻ khác, chỉ vì thích học mà đã chịu nghiên cứu cho rộng đường khiên-thức, đời nào cũng có, nước nào cũng có. Các nhà khảo-cứu cứ kiên-tâm!

Còn về đường tri-dục, tiên-sinh đã vạch một lối rất thành - thán như trong trang này:

« Điều thật, nếu mà sự tri-dục phải cứ dề yên như hiện thời trong lũ ta, là một nghề-nghiệp riêng, một việc chuyên - môn thì đáng nhẽ không còn hy-vọng có hội tri-dục ấy trở nên thông-dụng khắp-giam giới. Trong một nước nào mà tất cả bản - dân chỉ có nghề ngậm thơ, viết văn, triết lý, thì nước ấy quai-lạ thật. Tri-dục, đối với nhân-loại dù có cũng như không, nếu mà học chỉ để làm bài mà thôi, thì tri - dục vô-bổ. Lối văn chân-thực không phải loai văn của kẻ bần phỉm chỉ viết

Tiên-sinh đã bày tỏ những nhẽ ấy, xem ra thực là thấu rõ cái linh-thần con người ta từ xưa đến nay tiến-bành theo dịp thế nào. Thừa mới trông thấy vũ-trụ đầy những sự huyền-bí gớm-ghe, thì tâm-hồn ta sẽ cảm động mà khuynh hướng về sự cung-kính kia, như vội đáp một câu vấn-đề khó-khăn, chưa kịp tỉnh-sát. Nhưng ta nên nhận rằng sùng bái trong khuôn phép văn thơ bao giờ cũng có ít nhiều thú-vị dụ dăng, có thể giải-trí.

Vả chẳng, khoa-học ắt nhờ chính-lý mà tiến-lành, tương-lai chính lý ấy thế nào? Renan nghiên-cứu đã ngần - ngại một chút, nhưng không đề ta phải trán ngán đâu; tiên-sinh ngộ ý rằng:

« Nếu có một sự-vật có thể khiến người tâm-tư hồ-đồ về cuộc hậu-lai của chính-lý, ấy quyết là sự này: tinh-thần nhân-quần càng thâm nhập vào các con đường ngậm nghĩ thì hình như càng tỏ ra khiếm khuyết về mới lạ, to tát, và ít công việc tự phát lực làm nên, khi người ta đem những công-trình nhút - nhát ở thời-buổi ta hay lý-luận đã xuất-sản ra vất-vả từng ấy, mà so-sánh với những công trình tân-tác tối cao đại ở đời cò, tự nhiên sinh-sản ra. không biết công việc khó khăn ấy thế nào, khi người ta tưởng đến làm sự lạ-lùng hẳn đã phát hiện trong lương-tâm các nhân-vật kia, để mà gây nên một thời-đại những tôn-đồ, những vị tử vị đạo, ai thấy vậy thì tiếc rằng con người ta đã bỏ bản-tính thiên-nhiên mà trở nên con người suy lý chi-li nhưng người

ta an-ủi, trước hết nghĩ rằng: nếu cái tâm-lực có giảm mạnh mẽ, những công-trình làm ra có lảm về nhân-cách hơn, công trình của mình làm đến nơi cực cao hơn, con người ta làm nên có biệt danh-hiệu sang-trọng hơn; sau nữa lại nghĩ rằng: tình-bình hiện-thời chỉ là tình - cảnh khó-nhọc, khó-khăn, vất-vả, mướt hồ-hôi, cái tinh-thần con người ta đã phải trải qua tình-cảnh ấy để tới nơi cảnh-giấy cao hơn, sau hết thì nghĩ rằng: tình-cảnh chi-lý lẫn-bộ sẽ đến kỳ biến-cải khác nữa, tinh-thần lại tân-tác, nhưng được thông-dong tự-do, lương-tâm tinh-táo » (trang 88).

Mối hy-vọng cao-thượng ấy hẳn đã giúp cho khoa-học mỗi ngày càng tiến-bộ không ngừng chẵn; mà sự sùng-tín về khoa học cũng đã có lảm vị hy-sinh tạ nên kính phục như các đấng « chi mạng » hay là tuần giáo kia.

Tiên - sinh sùng khoa - học cũng như văn-thơ đề mở-mang thần-tri con người ta. Tiên-sinh đã tỏ ý riêng:

« Tưởng khoa-học chỉ có sự vui-sướng nhỏ-nhen được thỏa trí tò-mò hay là thỏa lòng kiêu-ngạo, ấy là sự nhầm to cũng như, tưởng vịnh thơ chỉ là một sự tiêu-xảo, công-phu lạt-lẽo như tưởng nghề văn chương là trò-dùa-dây lâu chán mà rất ưa làm mãi, người tò mò, kẻ thưởng-thức có thể giùm cho khoa-học được nhiều việc to-tát, nhưng đây không phải là người khoa-học, mà cũng không phải là nhà triết-học vậy. Chúng ở nơi xa khoa-học triết-học cũng như người

văn-từ vì văn-từ, chỉ lưu ý đến những sự-vật đã có kể nói hoặc đã viết ra rồi, chứ không lưu tâm đến chính những sự-vật ấy; không thích bản tính muôn vật, nhưng chuốc bài văn tả cảnh; thấy tâm sự gì bộc-lộ thì lãnh đạm, nhưng hề có câu thơ nào kêu bày tâm-sự ấy ra thì mới thấy rõ mà thôi. Về đẹp-đẽ tại nơi sự-vật; văn-từ là bức hình - ảnh, nhờ tỉ dụ: Văn-sĩ nào không bận lòng đến luân-lý hay triết-lý, vì ấy là bản-tính nhân-loại, nhưng bởi có sách vở bàn về đầu-đề ấy thì mới nghĩ đến mà thôi, thì cũng như nhà bác-học nào chỉ vì có những bài thơ vịnh về nghề canh-nông, những sách bàn về sự chiến-tranh, mới bận nghĩ đến việc canh-nông hay là sự chiến-tranh mà thôi vậy » (trang 394)

Tiên-sinh viết những giòng ấy có lẽ ám-chỉ hạng người chuyên việc làm cáo bạc cho các sách vở, chứ không phải có chan tâm hiếu học.

Còn lắm đoạn nữa, rất hay, tiên-sinh đã bày những tư-tưởng ít người đã nghĩ đến, ví như trong đoạn này :

« Có một thuyến tâm - thường trái với sự thực, ấy là trong hồi có biến - loạn, hồi cách - mệnh, không tiện cho việc thần-trí, nghề an - học muốn sản - xuất những công phu tuyệt - tác cần sự yên-tĩnh, nhân - hạ, với các mỹ - nghệ thật đáng theo cổ-diễn mà gọi là những nghề làm bạn với hồi thái-bình. Nhưng nếu đọc sách thì thấy sự vận - động, hồi chiến tranh, hồi bão - động ấy đều là thực n'ững nơi mà giống người ta mở - mang, chỉ trong những hồi ba đào, mới thấy nhân

tài xuất hiện mạnh - mẽ, tất cả những công - trình tư - tưởng tân-tác nhơn-nhào đã gây nên trong những quang - cảnh nhiễu - loạn. Tất cả bao nhiêu thế-kỷ: duy có thế-kỷ thứ XVI hẳn là hồi thâu-tri con người ta đã thi-thố sức cường-cường, sự hành-vi nhiều nhất, đủ tất cả trăm bề, ấy là thế-kỷ tân-tác hoàn-hảo. Không có qui-cử nào, thật thế, ấy là một khu rừng rậm cây cối sẫm uất, ở đấy chưa vạch lối đi. Nhưng mà nầy-nở biết bao công - trình... » (trang 418)

Tiên-sinh còn viết thêm: « Chớ khinh-bĩ các sách - vở sản - xuất ở những thời-kỳ yên tĩnh, hòa-bình, bảo rằng tuyệt vô-vi. Sách-vở ấy thanh - nhã, khôn - khéo, hợp lý, đây những ý-tứ bình-phẩm tinh-tế đọc thấy thú-vị trong khi nhàn-hạ, nhưng chẳng có tí gì là chắc-nịch, mới-mẻ không thấy chút gì tỏ ra nhân-loại hoạt - động, không có vẻ gì gần như các công-trình tác-bạo ở những thời-đại lạ-lùng kia, tất cả những tài-liệu của giống người ta sôi sùng-sục, thứtự nổi lên... » (T. 421).

Cứ như ý tiên-sinh thì việc tri-thức chỉ chuyên về nhân - quần mới có giá-trị mà thôi, nghĩa là chỉ lúc nào công việc ấy hợp với bản-tính con người ta. Tiên - sinh đã viết :

« ...Cái nghĩa-lý to-tát của khoa-học với tôn-giáo rồi lại, phát hiện ra trong hồi nào mà người ta lại nghĩ đến cuộc đời cũng, chân-thực, cũng ít pha lẫn sự giả-dĩ như cuộc đời thiết tưởng người ta ắt phải quan - niệm một mình ở giữa nơi rừng-rú châu Mỹ, hay là như cuộc đời người Bà-la-môn kia, khi thấy mình sinh-hoạt khá

rồi, sấm-lâm xuất gia, quăng manh áo bần, bơi ngược dòng Hằng-hà rồi đi đến đỉnh Hy-mã-lạc sơn mà thác đổ vậy. Nào ai đã chẳng có lúc một mình trầm-tư mặc-lự, đem tâm-hồn hạ xuống từng lớp lớp, gài g sức tự nối liền với nhau, đào xuất tất cả những lớp bề mặt nông-nổi, qua từng nọ đến từng kia, mãi đến khi tới nơi đáy chân-thực, ở đó phạm những thói đời đều tiêu hết, ở đó ra đứng đì-diện ta với ta, không giả dối, quyết kể chi cả? Những khi ấy, hiếm có, mà thoáng nhanh; thường-thường ta sinh-hoạt trước mặt một người đệ tam, hẳn ngăn-cản sự ghé-gớm giao - tiếp ta với ta, sự thành-thực trong cuộc sinh-tồn ắt cần phải xuyên qua mảnh khăn trùm cách bức ấy, và cần phải đứng luôn trên nơi đáng chân-thực của bản tính ta để mà theo những ý muốn vô-tư xui khiến ta học-vấn, ta kính thờ, ta yêu-mến.

(Xem tiếp trang 51)

Bá cáo việc riêng

Từ 1^{er} Septembre 1943, ông PHAN KỲ-NÔNG không làm giao-dịch-viên (Agent commercial) cho nhà in « TRI TÂN » nữa. Vậy ai cần giao-dịch gì, xin điều-định thẳng với ông TRỊNH NHƯ LUÂN, Giám đốc nhà in « TRI TÂN » số 95-97 Phố Châteaulme Hanoi.

T. T.

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 7

MINH-TUYỀN

Hỡi anh em xa đưng ngoài muôn dặm:
 Nào người trong lầu tuyết cõi băng-dương,
 Nào người dưới sóng lay nơi biển thẳm,
 Nào người miền sa-mạc nắng trang-trang,
 Không tới đặng hùng sơn Hi-Mã-Lạp
 Đề giờ cao ngọn đuốc, đề ăn mừng,
 Đề dự tiệc « Loài Người này hợp nhất »
 Hãy vui như tưởng đứng trên lưng-chèo
 Giấy núi đây, đang cùng nhau ôm, múa,
 Đang cùng nhau cười ngất, lệ vui đây,
 Và sướng quá như trái tim bung nổ .
 Đề rượu nồng chộn máu uống thêm say.

Núi ngồi, non đứng. Người vùng đuốc cháy.
 Đuốc nhầy người reo Núi cựa, non lay.
 Non lay, núi cựa. Người reo, đuốc nhầy.
 Đuốc cháy, người vùng. Núi đảo, non xoay.

Anh em hỡi! chén vui này vô giới hạn
 Mà thời-gian mang lại lặng đời nay,
 Bao thế-hệ nghìn xưa từng giốc cạn
 Ở mộng lòng rực-rỡ ánh vàng bay,
 Chỉ ở mộng mà thôi, Anh em hỡi!
 Ở mộng lòng những bậc quá trông xa
 Mà sinh-thời đã phải đeo tên gọi
 Là điên cuồng, rồ dại, nói ba-hoa.
 Song ngắm kỹ, hoa tươi thắm ngào-ngạt
 Ở trong vườn Nhân-L loại chúng ta đây
 Đang tung cánh hồn bay lên bát-ngát
 Cõi Văn-Minh tuyết-đốt mộng mơ say,
 Là kết-quả công vun trồng tưới sữa
 Của ông cha xứ xứ khắp năm châu,
 Đã phơi sương, đổ máu, tung-hoành giữa
 Vòng thế trận Trời giăng rất hiểm sâu.
 Và thực thế những lâu-dài dinh-thự
 Về mục-nhân, tôn-giáo với lữ-chương,

Về khoa học bao gồm trăm vạn thứ,
 Về nhạc ca, nghệ-thuật với công thương,
 Về tất cả những nhánh ngành hoạt-động
 Xứng đáng làm tiêu-biểu của Văn-Minh
 Mà thế-giới tự-hào hơn muôn giống
 Khác Loài Người tồn-tại dưới trời xanh,
 Bao nhiêu những lâu-dài dinh-thự ấy
 Đều dựng xây trên hân huyết tiền-nhân,
 Trên nền tảng mà Trời dinh lật bầy
 Bằng cơ mưu, chiến-cụ biển vô ngần.
 Anh em hỡi! hãy cúi đầu, quỳ gối
 Trong đám ba mươi phút đề ám-thăm,
 Đề lạng-lẽ đề cùng nhau, sống lại
 Khoảng thời gian tiền-tổ tự xa-xăm.

Lim-lim hôn mơ. Đêm khuya canh vắng.
 Thoang-thoảng hương bay. Sao lặn sương mù
 Quỳ khóc u-hu. Ma đi lững thững.
 Nhạc huyền vắng vắng. Gió lạnh vi-vu.

Anh em hỡi! trên lịch trình tiến-hóa,
 Từ Người ta lẫn mác bốn phương trời,
 Nhìn xanh thẳm, mơ theo làn khói tỏa,
 Muốn ra đi, lòng ngại bước trông ngại,
 Không hề có một đường tơ liên-lạc
 Giữa xứ này, xứ nọ với miền kia,
 Không hề tưởng chốn chân mây xa lắc
 Còn có người đồng-loại lắm chiêu-huỵ.
 Tôi thời-đại, đã vẽ tròn quả đất
 Ném vào vòng kiến thức rộng vô cùng,
 Người vạn xứ số nhau lên họp mặt
 Trên võ đài thế giới để tranh hùng,
 Sau lại biết tự nâng cao giá-trị,
 Gác can qua, quyết dẫn cảnh bình-thời
 Lên vịnh viễn rồi hoàn-hó phát-thệ:
 Sống từ nay xứng đáng với tên Người,
 (Còn nữa)
 M. T.

NGỌC-HÂN

Kịch ngắn của Tân-Phương

Một hồi — Một cảnh.

Các vai :

Nguyễn Huệ — Ngọc-Hân công chúa.

*Đêm đông phòng hoa chúc :
Mười hai tháng bảy, năm Bình-
ngọ, niên hiệu Cảnh - hưng 47
(1785)*

Ngọc-Hân đứng tựa án thư mặt
buồn rười-rượi.

Nguyễn-Huệ ngắm công chúa
giày lâu...

Nguyễn Huệ

Lá ngọc cành vàng như ái-khanh,
Mấy ai đã biết

Anh hùng hào kiệt

Đề lúc soi gương khỏi hận tình.

Cớ sao coi bi-thiết

Như ngao-ngán nỗi mình ?

Ngọc Hân

(cúi đầu chấp tay khẽ đáp)

Bầm chúa công, hoa hèn cỏ dại
Được bóng tùng che vạn hạnh rồi.
Đầu dăm giạ duyên cùng tui phận,
Dám đầu mơ ước chuyện xa xôi !

Nguyễn Huệ

Ta thấy lòng Khanh còn thắc mắc,
Ấu sầu ủ-đột, nét hoa xuân.

Duyên cớ làm sao Khanh giải rõ ?

Ngọc-Hân

Bầm, lệnh đã chờ, xin thực tỏ
Chút lòng u-uẩn với ân nhân,
Thiếp may gởi phận nhờ cao cả
Chắc trọn đời riêng được âm thân.
Song còn sinh dưỡng
Ăn dư cù lao
Song còn xã tắc
Cơ nghiệp Lê trào...

Nguyễn Huệ (cười)

Tồn phù để thất

Lời ta đã hứa há quên sao ?

Ngọc-Hân

Thân thiếp được còn, hay phải mất,

Sá gì phận gái buổi can qua.

Chịu e dẫu bề khuôn xanh định

Cơ nghiệp tiên vương nét sử nhòa !

Nguyễn Huệ (trở vào mình)

Ta đây mưu lược

Trí dũng có thừa

Ta muốn tất được

Dẫu trời không thuận, cũng không
thua.

Ngọc-Hân

Chúa công trăm trận trăm lần

được,

Lừng-lẫy uy danh trùm núi sông,

Một tiếng phán ra là khắp nước

Rập đầu vâng mệnh...

Nguyễn Huệ (vội vàng)

Ấy ! Ta không...

Ngọc-Hân

Dạ ! Thiếp vẫn tường lòng chính
trực

Chúa công diệt Trịnh, tôn phù Lê.

Nguyễn Huệ

Cho nên ta vẫn định ninh dạ

Cũng cố âu vàng xong, trở về.

Ngọc-Hân

Miền Nam, miền bắc giang san đó

Cương giới là đâu, bảo tộ đâu ?

Trộm nghĩ chưa yên bề thống
nhất...

Nguyễn Huệ (gật đầu)

Nhưng cơ-đổ ấy sẽ bền lâu.

Ngọc-Hân

Vương phụ biết mình suy nhược
lắm,

Triều thần lại bọn áo cơm thôi,

Cậy ai mà vững cơ đồ ấy,
Vếu chúa công không trêu một lời ?

Nguyễn Huệ (cau mày)

Ta đã thề rồi

Nơn mồn biển cạn

Không lòng mưu phản

Sao vẫn chưa nguôi ?

Trên cùng Hoàng thượng

Dưới với triều thần

Nghĩa ta đã xường

Đấy chúa, đây tôi...

Ngọc-Hân

Có bao giờ thiếp ngờ lòng trung-
nghĩa

Của chúa công — ngàn dặm trầy
ra đây

Tồn phù Lê, thỏa chí hùng hiệp-sĩ

Chúa công nào mưu danh lợi
riêng tủy.

Nhưng trộm nghĩ miền nam còn
thượng mệnh

Vương huynh ta cắt cứ một giang
san,

Mai một đây, biết đâu rồi chẳng
lệnh

ĐÃ CÓ BẢN

Một quyển sách mà ai ai
cũng nên đọc, dẫu là người
mạnh, người phôi yếu, người
bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp giữa
lao, săn sóc người phôi yếu
và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔ
TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà Nội : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông
Huế : Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain
Saigon : Nhà sách Nguyễn-
khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm.

Triệu chúa công về, chỉ mới lại
ban?
Chỉ mới đây, biết đâu không trái
hắn
Ý chúa công đã hẹn với triều Lê?
Vội triều Lê chúa công dù nghĩa
nặng
Nhưng còn tình huynh đệ cõi nam
kia?

Nguyễn Huệ (lắc đầu)

Cối nam kia, giang san ta gây
dựng,
Quyền binh ta, mệnh lệnh ở tay ta...

Ngọc-Hân (mỉm cười)

Vương nghiệp kia chính chúa-công
khai sáng,
Nhưng vương huynh thương mệnh
vượt sao qua?

Nguyễn Huệ (quả quyết)

Ra đây là ý ta
Xương tôn phù đại nghĩa,
Riêng ta một ngọn cờ,
Riêng ta một ý-chí.
Ái-khanh hãy an lòng!
Ta có về Nam nữa, -
Sự thay đổi quyết không;
Một lời ta đã hứa,
Cơ nghiệp Lê tồn vong
Quan hệ tình hương lửa
Của ta và ái-khanh.
Vương-huynh dầu dãi chi
Để nghiệp muốn tranh giành,
Còn ta, đâu có dễ!

Ngọc-Hân

Thiếp mong ân chúa-công
Vì lòng trung nghĩa ấy...

(ngập ngừng)

...Nhưng để nghiệp tranh phong
Nào giang-san có mấy!
Nam, Bắc lưỡng triều phân
Để nghiệp dù thống nhất
Lê trào dễ đồng cân
Vội Tây trào vương-thất!
Nếu sum-hợp một nhà,
Giang-san gồm một mối,

Dứt hẳn nạn can qua,
Mở rộng thêm bờ-cõi...

Nguyễn Huệ

(Nhìn ngọc Hân dò xét, nghĩ ngợi
giây lâu, rồi bỗng hân - hoan)
Phải rồi! Ta đã hiểu!
Ái-khanh thật chí thành.
Không những vì chữ hiếu.
Không những vì gia-đình,

Khanh còn vì lợi nước,
Lợi nước trên tình nhà.
Tranh phong nhau hơn được:
Lắm suy nhược quốc gia!
Giang-san nào cò mấy?
Bày chi cuộc can qua!

Ngọc-Hân (mừng rỡ)

Tâm chi thiếp được chúa-công
thấu xét
Thật may thay cho nước Việt từ
đây!

Nguyễn Huệ (cầm tay vợ)

Sức anh-hào từ nay ta đã quyết
Làm cho cường thịnh Việt bang
thêm.

Vua của ta là giống nòi dân Việt!
Ngọc-Hân

(ngước mặt, thành kính)

Ồi! Lỗi sao bao-quát và tôn
nghiêm!

Nguyễn Huệ

Đêm hôm nay chính là đêm
Hồn nước Việt nhập vào thân đất
Việt.

Ngọc-Hân

Và núi sông thiêng-liêng cùng tha-
thiết
Mong một ngày chói rực ánh vinh-
quang.

Nguyễn Huệ (say sưa)

Cho uy danh Tổ-quốc được bay
sang
Đền những cõi cường-lân hằng
tham vọng!

Tạ ơn trời ban cho ta trí dũng!
Tạ ơn vua cho ta vợ siêu phàm!
Ngọc-Hân (chắp tay lên ngực)
Chúa công là hồn-phách của
giang-san

(Màn từ từ hạ)

TÂN-PHƯƠNG

NHÀ IN

Tri-Tân

In đẹp — giá hạ

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TÀU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường
Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chính Phả (in lần thứ hai)

Giá cũ 0\$40

2) gương Luân-Lý (hết)

3) Hưng yên địa chí (in lần thứ hai)

4) Bắc giang địa-chỉ đầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Gia cũ 1\$50

b) Vị tiền. (Xã-hội tiền-thuyết)

0\$25

Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch)

0\$30

Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký)

2\$00

Đương in. — Uyên hải Tử Bình — Bắc-ninh địa chí Ngàn Cheo
Đánh (Huyền-Đỉnh-Sơn)

Có bán tại các hiệu sách nằm xư và tại địa-chủ lúc-già:

Nhật-nham Trĩnh-như-âu

Tham-tá phủ Thống-Sĩ Bắc-kỳ

hay biên-tập-viên báo Trĩ Tân 95-97 Rue Chancéaulme Hanoi

TÙ HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG

ĐẾN

HỘI-ĐỒNG HƯƠNG-THÔN

36 3

Nơi nhóm của Hội-dồng Hương-thôn thò rộng là một gian phòng rộng rãi. Viên nghị-trưởng ngồi đối diện với các ông Hội-dồng trên một ghế cao. Giữa phòng là nơi ngồi của một thầy thông ngôn và bốn thầy thư ký. Mỗi thầy thư ký có phận-sự ghi chép lại tất cả các lời bàn cãi, hai thầy chép bằng chữ Hán hai thầy chép bằng chữ quốc-ngữ. Những lời được ghi chép sẽ dùng để thảo luận vi-bằng của các buổi nhóm.

Muốn cho những buổi nhóm của Hội-dồng Hương-thôn có vẻ long trọng và nhơn đó tăng cao ý nghĩa của Hội-dồng, một vài nghi thức được đặt ra để cho dân chúng Việt Nam, mà phong tục tập-quan đã tạo cho họ có tánh thích lễ-nghi, thấy rằng công việc cải lương đó là một việc lớn lao bất thường. Bởi vậy các hội viên phải khăn áo chỉnh tề trình trọng sắp theo tuổi tác đi trước viên nghị-trưởng đến tận nơi nhóm họp.

Trong khi bàn cãi ai cũng được tự do bày tỏ ý kiến của mình không phải e dè sợ sệt. Nhà cầm quyền đã có lời hứa không trừng phạt ai vì những ý-kiến bạo. Và lại trong vi-bằng không được phép ghi tên những diễn giả.

Chánh-phủ chỉ trông mong nơi sự hiệp-tác của dân chúng đang biết những sự lạm quyền dễ trừng phạt, rõ những điều cải-cách cần phải thi-hành trong vòng khả-thể

và không chậm trễ phòng-lực người Việt-Nam.

Cái mỹ-ý ấy được hiểu biết, nên các vị hội-dồng đã không ngần ngại trở lại hương-liền. Sợi nổi nút là vấn-đề thuế ruộng.

Thuở cựu trào một mẫu ta ruộng hạng nhất phải trả một học lúa thuế chánh và ba quan tiền thập vật. Đến tân trào, nghị-định ngày 12 tháng 8 năm 1864 đổi món thuế trả bằng lúa ấy ra thuế trả bằng tiền và định là năm quan năm một mẫu. Và mẫu ta được đổi ra mẫu tây, cử lệ là hai mẫu ta vào một mẫu tây. Nhưng tính theo giá lúa cao nhất ở Sài-gòn lúc bấy giờ thì một học bán không trên ba quan hai. Như thế thì thuế thuở cựu trào của hai mẫu ta chỉ có sáu quan tư cộng với sáu tiền thập vật là bảy quan; trái lại thuế của tân trào là mười một quan sáu mỗi mẫu tây, tức là hai mẫu ta (5 quan 5 x 2 cộng với 3 tiền thập vật x 2). Đó là chưa nói, lời giá lúa ở các tỉnh còn kém xa giá lúa bán tại Sài-gòn, ví dụ như ở Vĩnh-long giá lúa không trên ba quan tư một học.

Bây giờ ta thử so sánh món thuế mới với huê-lợi của một mẫu ruộng (mẫu tây). Lúc bấy giờ một mẫu ruộng tốt cho được mỗi năm độ 20 gia lúa, thuế về phần điền chủ chịu:

20 gia với giá 1 quan 5 một gia là. 30 quan

Thuế 11 quan 6
trừ ra Sở phí cho làng 4 tiền } = 12 quan

Chủ điền còn lại. . . 18 quan

Về phần người tá điền, ta không

1. thể nói là họ có lời nhiều vì ít có người dám mượn một mẫu ruộng tới 20 gia. Tuy vậy ta cũng tính bạo rằng người tá điền, trừ các món sở phí ra còn đi được lời bằng hai chủ điền nghĩa là 36 quan. Vậy tất cả huê-lợi thật của một mẫu ruộng là 66 quan (30 quan cộng với 36 quan). Trong số đó chánh-phủ đã lấy hết 12 quan, tức là 18.18%. Như thế thì có phần nặng. Do đó vấn-đề thuế ruộng đã được các vị Hội-dồng đặc-biệt chú ý đến vì có quan-hệ trực-tiếp với đời sống của toàn thể quốc dân. Tất cả hội viên đều yêu cầu giảm thuế ruộng xuống như xưa.

Tuy nhiên chánh-phủ cũng chưa thấy món thuế mới bớt phần nặng hơn thuế xưa. Nhưng phải chăng vì trong buổi đầu, khi khắp xứ đều đau cũng có cuộc đao binh làm trở ngại việc cấy cấy, nên để giá lúa lên cao và chánh-phủ lại dựa theo giá đó mà tính tiền thuế?

Ngày 30 tháng 9, các viên nghị-trưởng đều gửi vi-bằng các buổi nhóm của Hội-dồng hương-thôn về Sài-gòn. Một Ủy-ban do nghị-định ngày 24 tháng 9 năm 1869 đặt ở có quan thủy-su đo-dốt cầm đầu xem xét các tờ vi-bằng ấy, cân những lời bàn cãi, những ý-kiến tỏ bày rồi định đoạt những phương pháp cần phải thi-hành theo nguyện của dân.

Kết quả là ba vấn-đề sau đây được sửa đổi và ban hành do nghị-định ngày 7 tháng 12 năm 1869:

1.) Thuế các sở ruộng cổ sở

địa-chánh đo rồi được giảm một phần ba.

2.) Lập thêm hai hạng thuế sanh-y mới là 25 quan và 12 quan 5. Trước kia hạng cao nhất là 600 quan và thấp nhất là 50 quan, và cũng vì thuế sanh-y cao nên các tiểu công nghệ không được phát-triển.

3.) Người Minh-Hương bị hoàn toàn sáp-nhập với người Việt-Nam. Vấn-đề này không có ghi trong chương-trình nghị-sự của Hội-đồng Hương-thôn. Chính Ủy-ban khảo xét các tờ vi-bằng của Hội đồng đã thảo-luận đến vấn-đề ấy khi bàn về thuế của người Tà, thuế sanh-y và thuế ghe.

Về các vấn-đề khác như bộ sanh tử giá thú, sở thu xuất của làng cần-phải được bộ Thuộc-địa bên Pháp/chuẩn-y, nên chưa được thi-hành.

Tóm lại, mặc dầu Hội đồng Hương-thôn là một phương sách cai-trị tân-kỳ ở xứ này và người dân Việt-Nam đã từ lâu quen nhấm mắt vung theo mạng lệnh của các quan, chưa nhận thức rõ được ý nghĩa quan-trọng của sự cải cách đó; mặc dầu các hội-viên chia nhau những phương-pháp tranh-điện, không có chọn người cầm đầu và không có thảo-luận trước với nhau để cho được đa số đồng ý-kiến và vì thế họ thường xung-đột với nhau vì quyền lợi riêng của từng làng: chẳng hạn như những làng có nhiều đất vườn xin giữ nguyên vẹn thuế ruộng và trái lại những làng có nhiều ruộng xin tăng thuế vườn, những kết-quả hầu được sau các phiên nhóm của Hội-đồng Hương-thôn đã hơn chỗ mong mỏi của nhà cầm quyền.

Thông điệp Pétain

đã nói :

« Cần rằng nông dân được quý trọng vô cùng, vì họ là dân cùng với binh-sĩ giữ một phần yếu trọng trong việc bảo vệ sự sinh tồn và sự toàn của đất nước ».

Hội-đồng Hương thôn là một thí-nghiệm về phương diện cai-trị và cũng là bước đầu của Chánh phủ Pháp trên con đường tự-do rộng mở cho dân bốn xứ.

1284 có Hội-nghị Dền-hồng của nhà Trần.

1869 có Hội-đồng Hương-thôn của Chánh-phủ Pháp

Hai việc làm cách nhau hơn năm thế-kỷ, thuộc hai chánh-thế và vì hai nguyên-nhơn khác nhau xa, nhưng cùng một ý nghĩa là trọng dân và cùng một mục-dịch là trung cầu dân-ý và tìm hiểu dân-tâm.

Chỗ dị đồng ấy phải chăng do hoàn-cảnh gây nên? Dầu sao, khi người dân được ân-cần đề ý tới, tức là nhà cầm quyền còn biết trọng dân và nên nhận dân là phần-tử quan-trọng trong nước. Thử xét qua lịch-sử hoàn-cầu ta thấy rằng một nước thành lập được vững-vàng là do số dân đình đồng đức. Từ chế-độ phong kiến đến chế-độ quân-chủ sức mạnh của người dân vẫn có và tiềm-tàng cho đến ngày lập thành chế-độ dân-chủ. Bởi thế dầu cho có vua tài

tướng giỏi, bao giờ lực lượng của dân cũng vẫn mãnh-liệt hơn. Từ Đông sang Tây biết bao nhiêu đế-nghiệp ba-đồ nhờ dân gây dựng mà cũng vì dân tan-rã.

Nước ta trải mấy ngàn năm Bắc thuộc, người dân bị áp-chế đủ điều, được hấp thụ văn-hóa Trung hoa nhưng tránh khỏi nạn đồng hóa, vẫn giữ nguyên vẹn đặc-tính của giống Việt và luôn luôn tôn thờ một tổ-quốc riêng biệt thiêng-liêng.

Chẳng thế mà bao nhiêu anh-hùng tử trong hàng dân-dã xuất thân cứu quốc, dựng nên nghiệp lớn: Lý Nam-Đế (544-548) đánh đuổi Tiều-Từ, Vua Lê Thái Tổ (1428-1433) từ Lam sơn khởi nghĩa diệt quân Minh, vua Quang-Trung (1788-1792) đại phá quân Thanh, đó chẳng là những bằng chứng còn ghi rành trong sách sử?

Bởi vậy bao giờ dân cũng là trọng. Nhưng nếu được trọng dân phải đáng mặt dân. Tỉ-tỉ ông có, căn-bản còn, lập-sự tồn, ng ông dân ấy mới đáng quý trọng và ki ông làm từ nhục Lỗn thiêng của đất nước.

(Tiết)

KHUÔNG VIỆT

Đã có bán :

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HU'ÔNG

512 trang. — In đẹp

Bản thường : 5\$00

Bản Giỏ Yàn (bết)

Bản Impérial Đại La : 20\$00.

(còn một số ít)

Anh Hoa

69 hàng Than Hanoi

Quyển « Đời sống thái cổ »

(Tiếp theo trang 8)

ra mà xem lại, thì sẽ thấy ở *Lễ-ký* chép một câu rằng : « Không-tử vì vi sở-linh-giả thiện, vi vi dưng giả bất-nhân », nghĩa là đức Không-tử bảo người làm hình-nhân bằng rơm là phải, người làm bù-rin bằng gỗ là bất-nhân (*Lễ-ký giải-nghĩa*, quyển 10, tờ 21 a) Lại ở *Mạnh-tử* có dẫn một câu của đức Không-tử nói rằng : « Thủy tác dưng giả, kỳ vô-hậu hồ », nghĩa là người chế ra bù-rin bằng gỗ, có lẽ không có con cháu !

Xem như thế, thì đời thái-cổ chỉ dùng hình-nhân bằng rơm, đến trung-gian mới dùng bù-rin bằng gỗ, rồi về sau hóa ra dưng. người thật : « Dịch sở-linh nhi vi dưng, hậu-thế dĩ sinh-nhân tuần táng, sở tự lai hĩ », đời từ lối dùng người rơm mà làm lối dùng người gỗ, đời sau đem người sống chôn theo, là gốc từ đây (câu này ở bài giải nghĩa *Lễ-ký*, quyển 10, tờ 22 a).

Lại xem như chuyện Thạch-sanh của ta, trong có một đoạn tương-truyền rằng ở làng của Lý-Thông thờ thần Mãng-xà, mỗi năm làng phải cúng một người thật để thần ăn thịt, sau Thạch-sanh giết được thần Mãng-xà...

Gia ông Nguyễn đức Quỳnh dẫn những việc như thế, thì người ta xem có ý-vị hơn, rồi nhân đó ông đem sách tây ra đối-chiếu, như tập *Revue des Arts asiatiques* (quyển 9, năm 1935, trang 96 107) có bài H. G. Creel. *Les récents progrès de l'archéologie en Chine* nói về việc đời Thượng đời Chu (khoảng năm 1766-256 trước T.-C.) đem thỏ người sống ngựa sống, v. v....

Lưu hương

Đêm hè

Trần Huy Bình

Đại cánh nồm quen chở dịu về,
Vòm cao, trúc lặng gửi so-le.
Hương say nắng mới chồi ve lạnh ;
Bóng đọng canh oi giậu đóm lờ.
Bật bật hờn rọi hoa án sách...
Chìm chìm mộng rủ nguyệt song the...
Ưu-tư bốn cõi theo lòng quạnh,
Nhịp cuộc năm, ba, tư đây hè... !

1943

GIẢN-CHI

Xem như thế thì ở Viễn-dòng lối hiển thân không phải có từ đời thái-cổ.

Có đoạn ông Nguyễn đức Quỳnh theo sách tây cũ hoặc sách không có giá-trị gì, nên không đúng, như trang 81 ông chép bốn chữ « race arabe ou sémite », nghĩa là « giống Ả-rập hay Xê-mít : chính thực ra chỉ có « giống » Xê-mít, mà ở Á-châu giống Xê-mít gồm cả người Do-thái, người Syriens và người Ả-rập, chứ không phải « giống » Ả-rập với giống Xê-mít là một (xem quyển R. Verneau, *L'homme, races et coutumes*, trang 273).

Chỗ nào ông Nguyễn đức Quỳnh dùng đến điển-tích của ta, thì ông cũng không chịu chọn, như trang 45 ông dẫn một câu rằng : « nhai trâu để trừ ô uế nên giăng đen » thì thật sai, vì ai cũng biết ở nước ta còn tục nhuộm răng !

Nếu dụng công tra-khảo, dẫn những sách có giá-trị, và viết văn cho gãy-gọn, thì cuốn-sách này cũng có ích.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỬ

Những ông nghề triều Lê (Tiếp theo trang 9)

3. — Nguyễn-lý-Tường, người làng Bối-kê, huyện Thanh - oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487 (chép theo bia Văn-miếu và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35 a ; còn *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a, thì chép nhầm là làng Bình hà, huyện Thanh-lâm).

4. — Đinh - trung - Thuần, người làng Bàng-xà, huyện Ý yên, trấn Sơn nam. Nam 25 tuổi đỗ nhị-giáp tiến sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a).

5. — Bùi-đoan-Giáo, người làng Đại-diên huyện Bình-hà, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Nam Cảnh-thống 1500, làm chức thông sự tư-thừa. Phụng mệnh sung chức phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong và xin mũ áo. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị-khảo*, quyển Hải-dương, tờ 72 a ; *Khâm-dịnh Việt - sử*, quyển 25, tờ 1 b). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a, chép làm quan đến chức thông-chính-sứ.

(Còn nữa)

Ứng hoà NGUYỄN-VĂN-TỬ

Phê-bình với văn-học-sử

(Tiếp theo trang 6)

Nhưng đến năm 1845, với bộ *Port Royal*, Sainte Beuve ngã về phía văn học sử. Là nhà văn học sử, Sainte Beuve vẫn có đủ các phẩm-lành: học rộng, biết rõ về văn học cổ thời trải qua cận đại cho đến hiện đại.

Theo ca của Sainte Beuve, nhà phê bình rất có thể là nhà văn học sử. Có điều khi viết văn học sử, nhà phê bình lại không nên phê bình.

Ở đây, tôi muốn trả lời một câu hỏi:

— Đọc giả nên đọc văn học sử trước hay đọc bài phê bình trước?

Có một hạng đọc giả dười biếng nhưng trọng đường giao-tế lại muốn tỏ ra ta đây đọc nhiều biết rộng; hạng ấy thường ít đọc tác phẩm của danh sĩ, mà chỉ đọc văn học sử và bài phê bình thôi!

Đọc văn học sử, họ biết qua thân thể sự nghiệp văn chương của tác giả.

Đọc những bài phê bình, họ biết rõ quyền sách nào hay quyền nào dở của từng danh sĩ.

Như thế thì đủ nói chuyện rồi!

Nhưng như thế thì nông-nổi lắm!

Ta cần phải chịu khó đọc tác phẩm của từng nhà văn để ta có được những cảm tưởng riêng của ta. Nhiên hậu ta sẽ đọc các bài phê bình để bồi-thực thêm cho tinh thần ta với các nhận xét sáng suốt và hoan-ngộ của nhà phê bình. Sau rốt ta sẽ đọc văn học sử để được đi sâu vào thân thể và sự nghiệp của nhà văn ta ưa thích.

Ta đã biết giới hạn của phê bình văn học là nối đuôi văn học sử.

Ta lại phải đọc văn học sử sau các bài phê bình.

Cái chỗ trái ngược ấy ta cần nên chú ý.

KIỀU THANH-QUÊ

Bà lớn dười ươi

(Tiếp theo trang 7)

Đó rồi mấy tên ôm mang những hàng hóa đi vào trong dinh, lâu mãi vẫn chẳng thấy ra. Bọn còn lại ở ngoài bảo nhau:

— Sao mà họ vào mãi đề cho bà hàng phải chờ lâu quá.

Bên lót thót chạy vào đến hết, chỉ còn trơ lại một cái kiệu với người bán hàng. Người bán hàng lại đợi một lúc lâu nữa vẫn chẳng thấy một người nào ra, rất là kinh ngạc. Người ấy thử đến bên kiệu sẽ hé bức rèm, thấy trong ấy chỉ có một con dười-ươi vận mặt quần áo đàn bà, trông thấy người thì biến sắc mặt, tiếng kêu e é. Hỏi nó thì nó chỉ nói luôn mấy câu được rồi! tốt tốt! Vào trong cái dinh thì thất dinh bỏ trống, không có ai ở, lại có cổng sau bỏ ngõ có thể đi ra được. Biết là bị một bọn bày trò đánh lừa, thế là mất sạch cả bao nhiêu hàng hóa. Người ấy thuê người khiêng cái kiệu về nhà, vừa tức vừa thẹn, đành chỉ lòi con dười-ươi ra đánh mấy chục cái và chửi rửa dứa vô lương lừa đảo mà thôi.

Trích dịch một bài chữ Hán trong báo Đại Nam đồng-văn số 73 ra ngày 5 tháng 2 năm 1893.

TRÚC-KHÊ

Hậu lai cách-trí

(Tiếp theo trang 14)

« Bồi thì, cho nên ai mà có cảm-tình chân-thật rất ham, hết sức sùng-bái cuộc sinh-hoạt thành-thực, thấy con trẻ tin - ngưỡng, cười nụ với tất cả muôn sự - vật, thấy cô gái không biết mình có nhan-sắc, thấy con chim hót trên cành chỉ đề mà hót mà thôi, gà mái đi mạnh mẽ giữa đàn gà con nó. Ấy vì ở đó, có thần-tiên khỏa thân. Kê tình quái chế-bại những sự-vật mà người thường dân với bậc đại-tài lưu tâm đến nhất, là chúng-sinh với lũ nhĩ - đồng Đại tài ấy là sẵn đủ năng-lực bình-phẩm với những khiêu bầm sinh của con người ta chất-phác, Đại tài là liêu-nhi, đại-tài là nhân-dân đại-tài chất-phác. » (T. 468).

Chỉ xem một đoạn ấy, cũng đủ biết Renan tiên sinh không những là một nhà triết-lý sâu sắc, mà lại rất giàu tình-cảm đối với môn sự-vật trong vũ-trụ. Có lẽ vì gần cảm-tình ấy cho nên trong quyển sách « *Hậu-lai cách-trí* » của tiên sinh hồi còn trẻ tuổi đã làm ra, có đầy-dủ nhưng nghĩa-lý tối cao, mà gian-dị, đơn-sơ. Ấy là một pho trường-thiên về muôn sự-vật, khêu ai đã đọc phải ngậm-ngùi, suy-sốt mà có lúc không thể ngăn-cản được tấm lòng mến-phục công-trình. کیا hình như bất-hủ của tác-giả. (Hết)

Thịnh-quang ĐỒ-THÚC

— NGÀI HÃY ĐỌC

Tạp-chí Hạch Phúc, cơ quan văn-học, khoa học có các cây viết trứ danh như: Phan văn Hùm, Kiều thanh Quế, Nguyễn văn Phấn, Vito, Phạm văn Bửu, v v...

Trọn năm — 4 \$ 00

Đề mandat cho: Phạm văn Điều 117 Fauchault Saigon.

TIÊU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 4

CHU-THIÊN

III

Ba chàng trẻ tuổi kia hết sức mừng rỡ khi ra đến ngoài cửa, thấy thầy dạy mình vừa đi đến đấy. xuống ngựa, đứng khoanh tay cúi đầu chào vị khách lạ kia vừa ở trong quán ra. Người này cũng ngạc nhiên nhìn người và ngựa kia từ đầu đến chân như đo hỏi. Biết ý, người cuối ngựa kia vội kinh câu nói :

— Thưa công-tử, chắc công tử còu lạ ti u-đệ. Nhưng tiểu đệ mộ đại danh đã lâu và trộm được biết tôn nhan khi công-tử đến chơi với Tráng sĩ Vệ linh ở trên chùa Đậu.

Người khách vui mừng reo lên :

— A ! Tiểu tốt này nhớ ra rồi. Thật là đức tội quá. Xin hỏi mạn phép, có phải mỹ danh tôn ông là Bắc-Hồ ?

— Dạ ! bầm chính vậy ạ ! Công tử như đại thật, công tử lưu lại có một đêm mà cớch đây đã hơn một năm trường.

— Dạ thưa tiên sinh, các bậc tài đức trung nghĩa như tiểu sinh, ai đã có nhiệt tâm với việc đời đều phải nhớ đến.

Dạ ! Công-tử dạy quá vậy tiểu tốt đâu dám.

Rồi ngừng lên trông thấy ba chàng trẻ tuổi đứng đứng ngơ ngác lạ lùng ở trước cửa quán liền gọi :

— Ba anh Du-Lâm đừng làm gì đấy. Sao không mau lên chạy ra chào công-tử Hòa-Đạo đây !

Ba chàng lại càng cuống quýt lo sợ. Cái đại danh công-tử Hòa-Đạo khắp thiên-hạ còn ai là không biết : Con quan cố Thiệu Ủy Lê sĩ-Hiến triều Lý, tục danh là Lê sĩ-Vinh, công-tử theo học các môn binh đao võ nghệ từ nhỏ, đã trở nên một tay nghĩa hiệp lương danh khắp cả, nên mọi người đều tôn là Công-tử Hòa-Đạo

mà không dám gọi đến tên. Ba chàng đã nóng nảy rồi-dại trêu vào công-tử, bây giờ đâu hồi lại cũng không còn kịp nữa, biết ăn nói làm sao cho ổn, lại càng thêm lo sợ. Bắc-Hồ thấy ba chàng cứ rụt rè luống cuống không dám ra chào công-tử, liền nổi giận quát lên rằng :

— O' hay ! Các anh mới ăn phải đũa con gái hay sao ? Đem thân đi theo đòi cung kiếm, hòng làm nên việc nghĩa, mà thấy bậc đàn anh xuất chúng, lại e thẹn như con gái không dám ra trình diện thì là nghĩa làm sao !

Ba chàng vội len-lét như mèo bị đánh, khúm núm ra chấp tay thi lễ trước mặt công-tử và nhu nhú nói không ra lời mấy tiếng chào. Bắc-Hồ lại càng tức, cố nén cơn giận hỏi :

— O' hay ! làm sao lại đến vậy ?

Công-tử Hòa-Đạo vội vui vẻ đỡ lời :

— Thưa tiên sinh, có sao đâu ạ ! Chỉ vì lúc này ở trong quán, ba vị tráng-sĩ đây, có chỉ trích tôi quá, đáng về mấy việc thiên-hạ sự, nên bây giờ ba vị ấy hỏi không được tự nhiên.

Bắc-Hồ càng lạ, hỏi giắt :

— Thế nào ? Các anh ấy đã bàn gì với công-tử ?

— Dạ ! Nhân hôm nay cãi ngày vui của bậc đại anh hùng vùng Gióng, các vị ấy đây cũng vui tận-độ với người trên, có tỏ ra tiên đoán cuộc thái bình thịnh trị như hôm nay sẽ lâu dài. Tiểu tốt có mạn phép nói mấy câu ngờ vực. Ba vị cố một mực cãi. Thế thôi !

Bắc-Hồ quay lại mắng ba chàng :

Cố thế mà các anh cứ rụt rè. Lâm người con giai giữa thời này

phải biết tự trọng và trọng người, tự tin và tin người. Các bậc đàn anh bao giờ cũng lịch lãm hơn, độ lượng hơn, và biết nghe theo lẽ phải hơn, nhất là công-tử đây. Trong khi vô tình không biết mà nói thẳng ý nghĩ của mình ra, hay thì công-tử tắt nghe theo, mà d' thì công-tử đời nào chấp mà sợ, có phải thế không nhỉ công-tử nhỉ ?

Hòa-Đạo tươi cười đáp :

— Bầm vâng, chính thế ạ !

Bắc-Hồ cũng vui vẻ nói :

Thế xin rước công-tử giữ lại quán cho tiểu tốt được hẳn chuyện về thiên hạ sự, để lĩnh lấy ít lời chỉ giáo.

— Thưa tiên-sinh, tiểu tốt dám dám thế ạ !

Bắc-Hồ cười tiếp :

— Công-tử đã quá khiêm tốn như vậy, tiểu tốt cũng đành chịu. Nhưng xin công-tử vào chơi trong quán cho tiểu tốt nghe biết ý kiến về việc hôn-nhân của đức vua Chương-võ hôm nay.

Hòa-Đạo lại tươi cười đáp :

— Xin đa tạ tiên sinh nhưng xin tiên-sinh xét cho rằng vừa ở trong quán ăn uống xong xuôi rồi đi ra, nay lại giữ vào như thế không tiện là điều thứ nhất. Hai là những ý tiểu tốt nghĩ đã trình bày với ba vị tráng sĩ đây rồi, tiên-sinh cứ hỏi lại tất rõ, bất luận phải nói nhiều thêm rờn tai tiên sinh.

Bắc-Hồ cố nài :

— Công-tử không bằng lòng vào quán thì thôi. Nhưng công-tử cũng nên rộng lòng cho tiểu tốt rõ cao kiến của công-tử đối với mọi việc bây giờ.

Hòa-Đạo ngần ngại giây lát rồi mới chịu nói :

Phạm mọi việc ở đời, không để trông ngó mặt mà xét định ngay được. Phải trông bao quát cả toàn thể và truy rõ cả căn nguyên, rồi mới đem hạ lời phán đoán. Tiên sinh đã có lòng ban hỏi, không lẽ tiểu tốt không thưa, mà thưa trịnh thì không được... Không được rành mạch...

— Dạ, công-tử dạy quá Xin công-tử vui lòng chỉ bảo cho!

Hòa-Đạo ngẩn ngơ một lúc lại nói:

— Cứ thiên-ý xem ra, thì không khéo đức vua Chương-vũ mắc mưu Trần thủ-Độ mất, và hẳn xáo quyết lắm. Việc gì mà không lợi cho hẳn là quyết nhiên hẳn không làm. Vậy tiểu tốt tạ rằng rồi ra thiên hạ còn rối bời nhiều việc lắm, không có thể lường trước được.

— Công-tử nghĩ thế hơi thiên, đức vua Chương-vũ đã nghĩ đến điều đó. Ngài nhận lời của Trần thủ-Độ là tỏ ra hàng độ lượng hơn bên địch mà thôi. Và nhận kế của họ, bằng họ có lập kế chàng nữa, ngài dùng quân nghĩ ngợi, rồi thế nào ngài chả trong kế trư kế mà địch với họ.

— Lấy những bằng chứng gì mà tiên sinh bảo là ngài sẽ tương kế trư kế được với họ?

Thấy Bắc-Hồ đứng im lặng, thiên nghĩ ngợi công-tử tiếp ngay:

— Tiên tốt có chút việc với xin tiên sinh tha lỗi cho, không được hầu tiếp tiên sinh lâu, tiểu tốt lấy điếu tiếu lắm. Có gặp tráng sĩ Vệ-lĩnh, xin tiên sinh đặt hộ thiên-ý của tiểu tốt, đề đại cao kiến của đàn anh chỉ bảo...

Không để cho công-tử kéo dài mãi lời nói kiểu cách lễ phép ấy, Bắc-Hồ cắt đứt:

— Xin công-tử lưu lại chút đã. Có dịp tiểu tốt xin lấy ngựa đưa công-tử đi cho mau.

Hòa-Đạo không muốn kéo dài câu chuyện nữa, và phần muốn cho mấy người kia tiện nói chuyện với nhau, liền thoái thác ra rằng:

— Xin đa tạ tiên sinh, tiểu tốt không dám quá lạm dụng như vậy. Vả, tiểu tốt còn đi nhiều đường đất, dùng ngựa của tiên sinh thì không biết bao giờ đem trả lại được.

Hòa-Đạo cười vui vẻ nói tiếp:

— Hay là tiên sinh cho điểu tiên-tốt con ngựa này vậy.

Bắc-Hồ cũng cười đáp theo.

— Chỉ sợ công-tử không nhận thót chứ!

— Tiên sinh không cho, chứ cho tiểu tốt xin bài lĩnh ngay.

Nói vậy, rồi Hòa-Đạo cúi đầu lấy chào Bắc-Hồ và ba chàng trẻ tuổi:

— Xin lấy chào tiên sinh, .. kính chào ba vị tráng-sĩ. Ước ao còn lắm dịp hậu hội để bàn bạc thêm nhiều điều lợi ích.

Bốn người kia cũng chấp tay vái, cúi đầu chào lại:

— Xin lấy chào công-tử lên đường có điều gì làm lỗi xin công-tử vạ xá đi cho. Mong thỉnh giáo công-tử còn nhiều.

Công-tử Hòa-Đạo liền cúi chào một lượt nữa, rồi đi thẳng, kế cho bốn người kia bàn tán ở sau lưng. Công-tử lên miền Bắc đã ba bốn hôm nay. Được tin Nguyễn Nộn đã ưng lấy công chúa họ Trần, theo như lời Trần thủ-Độ, lại đương sửa soạn để làm lễ cưới, công-tử vội vàng, lên miền Thiên đức, dò xem sự thực ra sao, và nhân thế, xem tình hình dân gian miền Bắc đối với việc này thế nào. Chàng đi không kịp trình với Đông-hải Đại vương. Chàng tin rằng việc này quan trọng lắm. Chàng cần hiểu rõ thấu đáo mọi nguồn gốc, nội tình với ngoại cảnh, để tìm lấy một động lực chôn xác rồi mới về thưa với Đông-hải Đại vương, liệu bề xử-tí.

Nay cái mục đích ấy đã đạt rồi, công-tử vội vàng giở về, đi đường tắt thẳng tới Yên nhân. Đến tới sớm, công-tử mới về tới nơi, xin vào hầu ngay. Vì là bậc tráng-sĩ cao cấp trong miền, đã lập nên nhiều công trạng hiển hách, nên quân thị vệ vội vàng kính-cận đưa chàng vào trong chính điện hầu Đông-hải Đại-vương.

Qua một dãy hành lang đến cửa điện, một tên lính túc-vệ, đai-nịt gọn gàng, chống gươm đứng cạnh ở ngoài, trông thấy công-tử liền cúi rạp đầu xuống thi lễ chào, rồi mở cửa chạy tọt vào trong điện. Một lát sau, Đoàn Đông-hải Đại-vương thân theo tên lính túc-vệ ra đón công-tử Hòa-Đạo. Ngài liếc cười đón chào hội ngay.

— Công-tử đi đâu mà tới thăm ta muộn thế? Có việc gì cần?

Hòa-Đạo không còn kịp giữ lễ nữa lâu ngay.

— Tâu đại vương, tiểu tướng vừa ở miền Bắc dự đám cưới tráng-sĩ Phù minh về, xin vào lâu việc.

Tự nhiên cười và điếm đăm, ngài phán:

— Tốt quá nhỉ xin rước công-tử vào chơi trong này ta nói chuyện.

(Còn nữa)

CHU THIÊN

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Đã có bản

Văn hào Tolstoi

Khảo cứu của Ng. phi Hoanh
Tựa của Phan văn Hùm
Giá 2\$40

DÀN BÀ VÀ NHÀ VĂN

Khảo cứu của
KIỀU THANH QUẾ
Giá 1\$10

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
29, LAM LOT - Hanoi

Đã xuất-bản

CHI-PHÚ NGAM

của thư-x⁺ A xardre de Rodes
bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lăng
Cuốn sách thứ nhì trong một từng-thư, có
thể dùng trong ban trung-dãg cổ-diễn Viễn-
dông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VÂN
KIỀU của ông Nguyễn văn Vĩnh dịch Pháp-
văn.

120 trang khổ 17 x 23, bìa bai màu,
có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.
Bản giấy thường 1 \$ 50 — cước 0 \$ 47
Bản giấy Đại-La Impérial 5 \$ 00. — 0 \$ 90
mua lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0 \$ 30

Tổng phát-bánh

MAI-LINH

21, Rue des Pipes, Hanoi

ĐA CỐ BẢN :

KHẢO LUẬN VỀ KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2 \$ 40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Hué

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGOC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
lịch thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-
văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liêu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 x 25

Giá bán lẻ có 5 \$ 00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0 \$ 70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG



Tủ sách

« **TÂN VĂN HÓA** »

HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71, Tiên-Tsin — HANOI

HÀN THUYỀN

Mới có bán

Thượng cổ sử: AI CẬP

của NG. ĐỨC QUỲNH

ĐA XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIỀN HÓA

của BÁCH KHOA

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của NG. Đ. QUỲNH

ỐC KHOA HỌC

của P. N. KHUÊ

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ

của NG. Đ. QUỲNH

NGUỒN GỐC VĂN MINH

của BÁCH KHOA

Mua 1 cuốn trả tiền trước kèm 0 \$ 40 cước.

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi